



CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

ĐC: Lô 2, CN 1 Khu công nghiệp Từ Liêm, Tp. Hà Nội, Việt Nam

ĐT: +84-4-62656566 Fax: +84-4-62656588

Email: support@sonha.com.vn

Website: sonha.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung: NEXUS
Thiết kế & in ấn: www.hali.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2011



2011
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ



Mục lục

KẾT QUẢ NỔI BẬT	4
------------------------	---

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT	6
-------------------------------------	---

TỔNG QUAN SƠN HÀ	9
-------------------------	---

Tầm nhìn, sứ mệnh và giá trị cốt lõi	9
--------------------------------------	---

Chiến lược của công ty	10
------------------------	----

Quá trình phát triển của công ty	12
----------------------------------	----

Những sự kiện nổi bật năm 2011	14
--------------------------------	----

Môi trường kinh doanh và triển vọng	16
-------------------------------------	----

BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	21
----------------------------------	----

Kết quả kinh doanh	22
--------------------	----

Lĩnh vực Công nghiệp	28
----------------------	----

Lĩnh vực Bất Động sản	30
-----------------------	----

Lĩnh vực Bán lẻ	32
-----------------	----

Quản trị rủi ro	36
-----------------	----

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ	37
---------------------------	----

Sơ đồ tổ chức	37
---------------	----

Hội đồng quản trị	38
-------------------	----

Ban tổng giám đốc	40
-------------------	----

Ban kiểm soát	42
---------------	----

CỔ PHIẾU VÀ CÔNG TÁC QUAN HỆ CỔ ĐÔNG	47
---	----

CÁC THÔNG TIN KHÁC	49
---------------------------	----

Trách nhiệm xã hội	49
--------------------	----

Công ty con và công ty liên kết	50
---------------------------------	----

BÁO CÁO TÀI CHÍNH	53
--------------------------	----

Báo cáo của ban Tổng giám đốc	54
-------------------------------	----

Báo cáo kiểm toán	57
-------------------	----

Bảng cân đối kế toán hợp nhất	58
-------------------------------	----

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	62
---	----

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	63
----------------------------	----

Thuyết minh báo cáo tài chính	65
-------------------------------	----

**Thái dương năng tăng trưởng
124% doanh thu**

Chính thức gia nhập ngành Bán lẻ

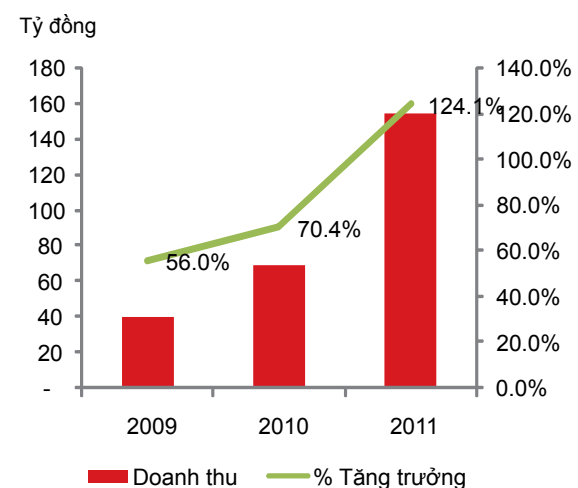
**Đặc biệt đầu tư cho đội ngũ nhân sự
năm 2011**



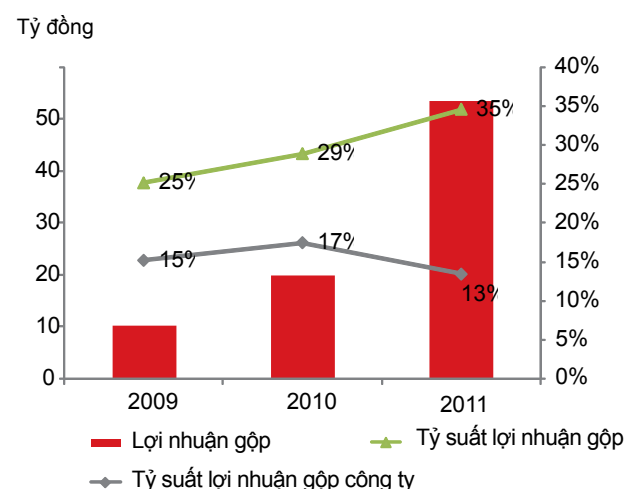
Năm 2011 Kết quả nổi bật

Năm 2011 là một năm đầy khó khăn đối với các doanh nghiệp Việt Nam nói chung và Sơn Hà nói riêng. Bằng nỗ lực của tập thể, Sơn Hà đã đạt được một số kết quả nổi bật như:

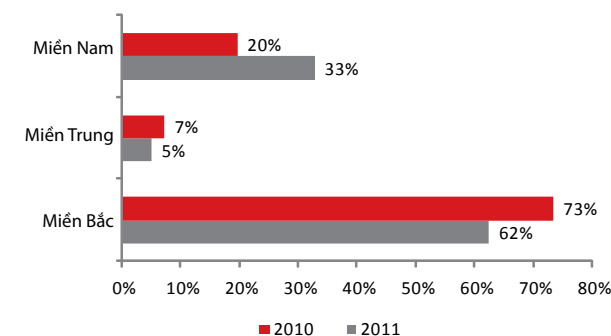
Tăng trưởng 124% doanh thu sản phẩm Thái Dương Năng so với năm 2010



... Tỷ suất lợi nhuận gộp cao nhất đạt 35%, so với trung bình của công ty là 13%



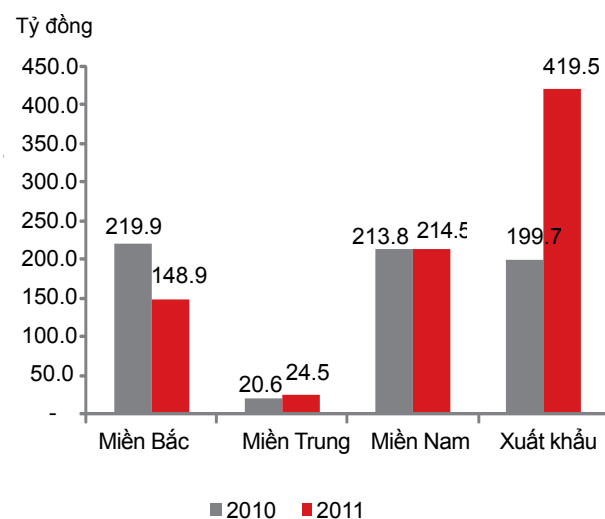
Doanh thu chịu rửa tại thị trường miền Nam tăng chiếm 33% cơ cấu doanh thu theo vùng, trong khi các thị trường khác giảm



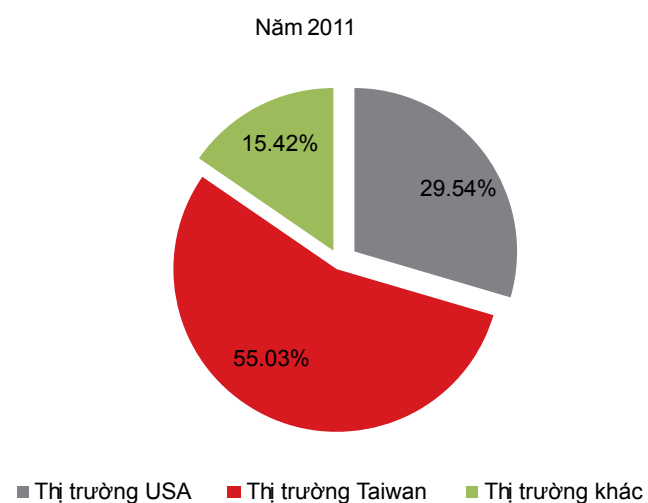
Chính thức bước chân vào lĩnh vực bán lẻ, đánh dấu bằng sự kiện mua 75.8% cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư & Kinh doanh Thương mại Vinaconex.



Ổng thép duy trì doanh thu tại thị trường Miền Nam, xuất khẩu đạt gần 420 tỷ đồng tăng hơn 110% so với năm 2010



... Thị trường Đài Loan chiếm 55% cơ cấu doanh thu xuất khẩu ống thép, tăng 4% so với năm 2010



Thông điệp của Chủ tịch HĐQT

KÍNH THƯA QUÝ CỔ ĐÔNG!

Năm 2011 là một năm đặc biệt khó khăn đối với nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Trong bối cảnh lạm phát leo thang xấp xỉ 20%, tín dụng bị thắt chặt, lãi suất cho vay tăng đột biến, Sơn Hà cũng không nằm ngoài xu hướng chung đó. Thể hiện rõ nhất là mặc dù doanh thu bán hàng tiếp tục tăng, lợi nhuận sau thuế của Công ty chỉ đạt 18.8 tỷ đồng, giảm 79% so với năm 2010, bằng 63% kế hoạch được Đại hội Đồng Cổ đông thông qua.

Trước tình hình khó khăn của doanh nghiệp, Ban lãnh đạo Sơn Hà đã có những phản ứng kịp thời và phù hợp với dự báo của thị trường thông qua việc điều chỉnh chiến lược phát triển các nhóm ngành kinh doanh chủ đạo.

Thứ nhất, đối với nhóm ngành thép không gỉ truyền thống, trong năm 2011, Sơn Hà đã phải đối mặt với những thách thức không nhỏ: Riêng giá nguyên liệu Inox đầu vào tăng trung bình 17%; chi phí tài chính tăng đột biến trong năm từ 95.3 tỷ đồng lên 156.1 tỷ đồng năm 2011 (tăng 61 tỷ đồng, tương đương 64%); chi phí lãi vay tăng hơn 72%, chiếm tỷ trọng 73% trong chi phí tài chính. Trong bối cảnh sức mua của người tiêu dùng có dấu hiệu giảm mạnh, các đối thủ lớn liên tiếp đưa ra các chính sách nhằm tăng thị phần, Ban lãnh đạo Sơn Hà đã quyết định ưu tiên trọng tâm trong chiến lược 2011 là tiếp tục duy trì thị phần đứng đầu trong các nhóm sản phẩm truyền thống. Với mức tăng giá bán khiêm tốn khoảng 8%, lợi nhuận gộp của công ty bị ảnh hưởng tương đối rõ nét.

Vượt qua các khó khăn chung, Sơn Hà đã đạt được

một số thành tựu quan trọng. Doanh thu thuần đạt 1,956 tỷ đồng, tăng 35% so với năm 2010; Thái Dương năng tăng trưởng 124% so với năm 2010; các sản phẩm khác như Ống thép và bồn nước vẫn duy trì mức tăng trưởng trên 20%. Công ty chú trọng mở rộng thị trường ra khu vực nông thôn và các tỉnh, thành phố phía Nam. Riêng với sản phẩm ống thép, SHI đã chủ động tìm thêm các thị trường mới tại khu vực Châu Âu, Nam Mỹ bên cạnh thị trường Mỹ như các năm trước đây, đồng thời cũng tăng phát triển thị trường trong nước để phân tán rủi ro. Tính đến cuối năm 2011, sản phẩm bồn nước chiếm 35% thị phần, riêng thị trường Miền Bắc chiếm 65%; sản phẩm Thái Dương Năng chiếm 50% thị phần. Sơn Hà vẫn là doanh nghiệp chiếm thị phần áp đảo trong lĩnh vực ống thép không gỉ.

Thứ hai, đối với lĩnh vực Bất động sản, nhận thấy khả năng thị trường tiếp tục khó khăn trong nhiều năm tới, Sơn Hà đã quyết định chủ động thoái vốn tất cả các dự án để bổ sung nguồn cho lĩnh vực Bán lẻ và vốn lưu động cho ngành hàng truyền thống, giúp công ty giảm bớt áp lực tài chính và rủi ro. Do chi phí đầu tư của Sơn Hà vào các dự án khá thấp so với giá trị thị trường và các dự án đều ở vị trí đẹp, việc thoái vốn hứa hẹn sẽ tạo ra các khoản thặng dư cho cổ đông.

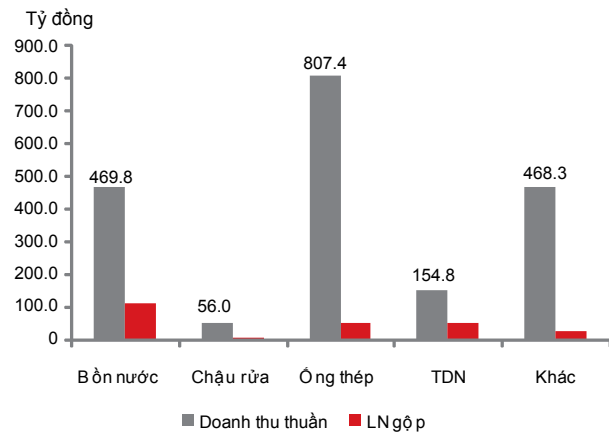
Thứ ba, nhằm chuẩn bị cho sự ra đời của chuỗi Siêu thị Bán lẻ HiWAY trong năm 2012, Sơn Hà đã đầu tư mua lại 75.8% cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư & Kinh doanh Thương mại Vinaconex để tiếp nhận giấy phép bán lẻ và vị trí đắc địa tại Hà Đông, đồng thời tuyển dụng nguồn nhân sự chủ chốt, chuẩn bị cho sự hình thành của 3 siêu thị nửa cuối năm 2012.



“Lĩnh vực Công nghiệp truyền thống và Bán lẻ sẽ trở thành 2 mũi nhọn của Sơn Hà trong Chiến lược dài hạn”

“ Tính đến cuối năm 2011, sản phẩm bồn nước chiếm 35% thị phần, riêng thị trường Miền Bắc chiếm 65%; sản phẩm Thái Dương Năng chiếm 50% thị phần. ”

Doanh thu thuần, lợi nhuận gộp theo sản phẩm



- Cơ cấu lại tỷ trọng giữa nợ ngắn hạn và dài hạn theo hướng chuyển một phần từ nợ ngắn hạn sang dài hạn để giảm bớt rủi ro thanh khoản cho Công ty.
- Tìm kiếm các nguồn vốn (vay ngân hàng, trái phiếu hoặc cổ phiếu từ đối tác chiến lược) với chi phí thấp hơn để giảm bớt chi phí tài chính, tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp.
- Tìm kiếm đối tác trong từng lĩnh vực trọng điểm nhằm phát huy nguồn nội lực của Sơn Hà và tận dụng được thế mạnh của các đối tác, mở rộng thị phần và phát triển chiều sâu.
- Tăng cường hoạt động Quan hệ cổ đông, đưa Quan hệ cổ đông thành cầu nối quan trọng giữa Sơn Hà và cổ đông.

Bước sang năm 2012, các khó khăn về kinh tế vĩ mô tiếp tục chi phối hoạt động sản xuất kinh doanh của Sơn Hà. Ban lãnh đạo công ty xác định trọng tâm của chiến lược sản xuất kinh doanh năm nay là phát triển bền vững và tăng cường quản trị rủi ro. Để thực hiện được các mục tiêu này, Công ty sẽ tập trung nguồn lực vào các hoạt động:

- Đầu tư theo chiều sâu nhóm ngành thép không gỉ truyền thống, đa dạng hóa sản phẩm và tiếp tục mở rộng thị trường tiêu thụ tiềm năng khu vực nông thôn và các tỉnh, thành phố phía Nam.
- Hiện thực hóa việc thoái vốn các dự án Bất động sản. Mục tiêu sẽ thoái được 1-2 dự án năm 2012
- Đưa vào hoạt động 3 siêu thị HiWAY năm 2012 tại Hà Nội, mở đầu bằng siêu thị tại khu vực Hà Đông.
- Tái cấu trúc nguồn vốn thông qua việc giảm bớt dư nợ, tăng vốn chủ sở hữu từ dòng tiền thoái vốn các dự án Bất động sản.

Chúng tôi tin tưởng rằng, với sự quyết tâm cao nhất của Ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ công nhân viên, Sơn Hà sẽ có những bước phát triển bền vững, hoàn thành và vượt kế hoạch kinh doanh, mang lại giá trị gia tăng cho các cổ đông và nhà đầu tư.

Thay mặt ban lãnh đạo công ty, xin được gửi tới tất cả các thành viên hội đồng quản trị, các nhà đầu tư, các đối tác, cùng toàn thể nhân viên công ty lời cảm ơn chân thành vì sự gắn bó của Quý vị đối với sự phát triển của Sơn Hà.

Trân trọng,

Lê Vinh Sơn

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

- Tầm nhìn, sứ mệnh và giá trị cốt lõi
- Chiến lược của công ty
- Quá trình phát triển của công ty
- Những sự kiện nổi bật năm 2011
- Môi trường kinh doanh và triển vọng



Tầm nhìn, sứ mệnh Giá trị cốt lõi

Tầm nhìn

Trở thành tập đoàn sản xuất thép không gỉ hàng đầu Việt Nam, đa dạng hoá hoạt động đầu tư dựa trên nền tảng phát triển bền vững.

Sứ mệnh

Sơn Hà cung cấp các sản phẩm thép không gỉ công nghiệp và dân dụng có chất lượng tiêu chuẩn quốc tế, đa dạng hoá hoạt động đầu tư để mang lại cho khách hàng cuộc sống tiện nghi hiện đại

Giá trị cốt lõi

Đối với khách hàng: Cung cấp những sản phẩm và dịch vụ về thép không gỉ cũng như các sản phẩm của công ty đầu tư giúp khách hàng tối ưu hoá hiệu quả sử dụng.

Đối với cổ đông: Là một tổ chức kinh tế hoạt động bền vững và hiệu quả mang tới cho cổ đông lợi ích cao, đều đặn và dài hạn.

Đối với cán bộ nhân viên: Là ngôi nhà chung mang tới từng thành viên một cuộc sống sung túc, đầy đủ về kinh tế và tinh thần.

Đối với cộng đồng và xã hội: Là tổ chức có trách nhiệm xã hội, tích cực, chủ động tham gia vào các hoạt động cộng đồng, xã hội, góp phần làm hưng thịnh quốc gia.

Tầm nhìn, sứ mệnh và giá trị cốt lõi
Chiến lược của công ty
Quá trình phát triển của công ty
Những sự kiện nổi bật năm 2011
Môi trường kinh doanh và triển vọng

Chiến lược dài hạn

Sơn Hà theo đuổi mục tiêu trở thành một công ty đa ngành hàng đầu của Việt Nam dưới mô hình Công ty Holding (Công ty Đầu tư). Trong đó, lĩnh vực Công nghiệp truyền thống, và lĩnh vực Bán lẻ sẽ là hai lĩnh vực trọng tâm của Sơn Hà trong 05 năm tới.

Lĩnh vực Công nghiệp

Đây là lĩnh vực truyền thống của Sơn Hà. Công ty sẽ tiếp tục được đầu tư khai thác và phát triển theo chiều sâu khẳng định vị trí số 01 trong lĩnh vực thép không gỉ. Sơn Hà sẽ tập trung vào nghiên cứu các chủng loại, mẫu mã sản phẩm mới phục vụ nhu cầu đa dạng và ngày càng nâng cao của người tiêu dùng thông qua việc thành lập các bộ phận nghiên cứu thị trường, phát triển sản phẩm chuyên biệt, hoặc tăng cường hợp tác với các đối tác để chuyển giao công nghệ .v.v...

Đối với lĩnh vực Bồn nước & Thái Dương Năng: Sơn Hà ưu tiên tiếp tục phát triển mạnh mẽ lưới phân phối tới phía Nam và khu vực nông thôn trong bối cảnh thị trường phía Bắc đang có xu hướng bão hòa để đảm bảo tốc độ tăng trưởng từ các phân khúc tiềm năng.

Đối với lĩnh vực chậu rửa: Mở rộng phát triển phân khúc chậu rửa cao cấp bên cạnh việc giữ vững và phát triển thị phần trong phân khúc chậu rửa bình dân. Ngoài ra, công ty định hướng tiếp cận công nghệ mới nâng cao chất lượng sản phẩm, mục tiêu sản phẩm đạt tiêu chuẩn quốc tế, từ đó mở rộng thị trường ra các nước trong khu vực và thế giới.

Đối với lĩnh vực ống thép: Hiện nay sản phẩm ống thép chủ yếu được xuất khẩu sang thị trường Mỹ. Về dài hạn, Sơn Hà đặt mục tiêu đa dạng danh mục khách hàng và thị trường tiêu thụ mở rộng sang các thị trường Nam Mỹ, Châu Âu .v.v.; tập trung phát triển và nâng cao thị phần tiêu thụ nội địa. Hiện tại, khoảng 25% - 30% sản lượng sản xuất ra được tiêu thụ trong nước.

Đồng thời, Sơn Hà cũng chủ động tìm kiếm các đối tác phù hợp có tiềm lực làm đối tác chiến lược trong lĩnh vực ống thép.

Mục tiêu phát triển: Trong vòng 05 năm tới mục tiêu giữ vững thị phần tại các phân khúc hiện tại, tăng thị phần và phạm vi ảnh hưởng đối với các thị trường tiềm năng hiện tại.

Lĩnh vực Bất động sản

Bất động sản không được coi là một trong những mục tiêu dài hạn của Sơn Hà. Ban lãnh đạo Công ty cam kết sẽ hạn chế đầu tư mới vào lĩnh vực này. Đối với các dự án Bất động sản hiện tại, Sơn Hà sẽ thoái dần vốn, tập trung đầu tư cho lĩnh vực Công nghiệp và các lĩnh vực khác của Công ty.

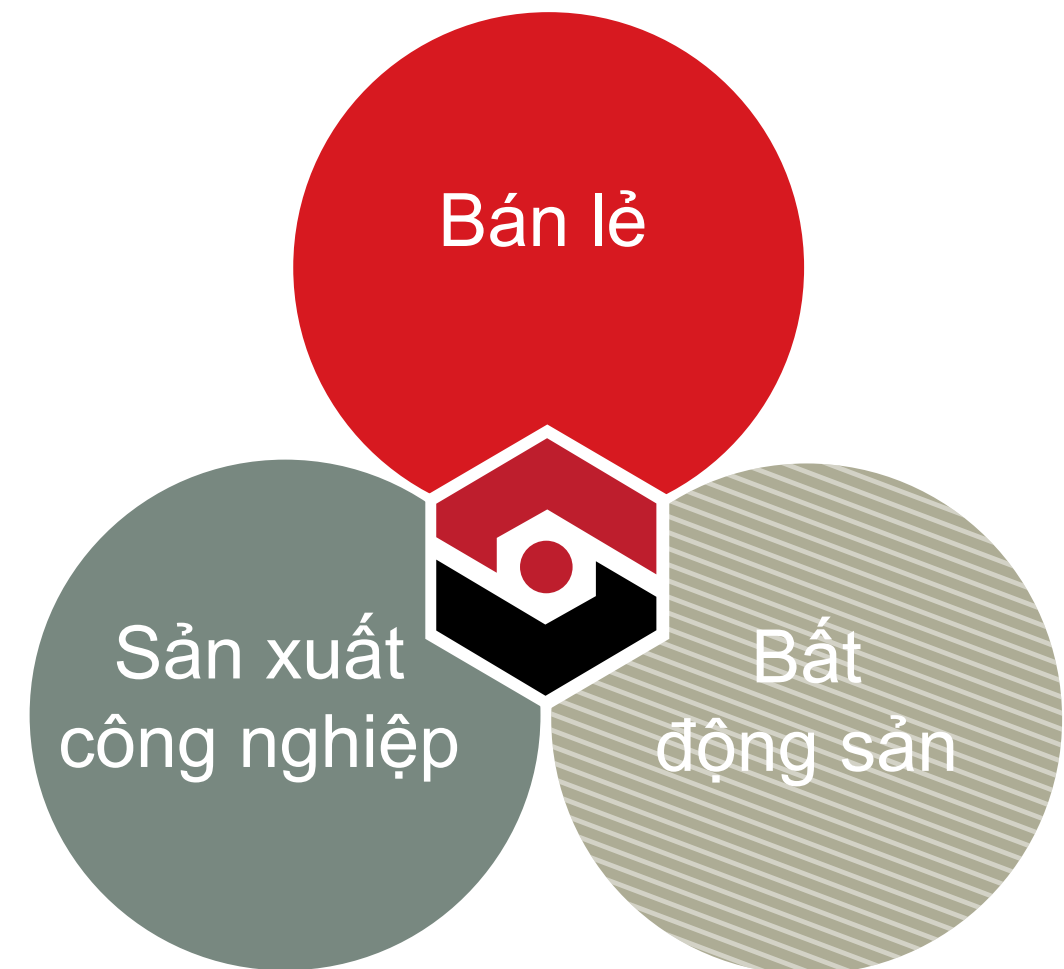
Tên dự án	Địa chỉ	Tỷ lệ vốn góp của Sơn Hà
Cao ốc văn phòng Sông Hồng	Tây Hồ Tây, Hà Nội	45%
Dự án Paradise Garden,	Đường An Sơn, P.4, Đà Lạt	15-20%
Khu Đô thị Kiến Hưng	Đường Lê Trọng Tấn, P. Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Nội	15%
Dự án Tây Thăng Long	Huyện Phúc Thọ, Hà Nội	45%

Tầm nhìn, sứ mệnh và giá trị cốt lõi
Chiến lược của công ty
Quá trình phát triển của công ty
Những sự kiện nổi bật năm 2011
Môi trường kinh doanh và triển vọng

Lĩnh vực Bán lẻ

Là một trong những mục tiêu dài hạn của Sơn Hà bên cạnh lĩnh vực Công nghiệp truyền thống. Hiện tại, lĩnh vực này đang được Sơn Hà tập trung triển khai; dự kiến siêu thị đầu tiên sẽ được khai trương trong năm 2012. Mục tiêu đến năm 2015, Sơn Hà sẽ có 20 siêu thị với quy mô siêu thị rộng từ 3,000 – 12,000 m2 tọa lạc tại các vị trí đông dân cư và trục đường chính với khách hàng mục tiêu là khách hàng bình dân, có mức thu nhập trung bình trong xã hội.

Dự kiến đến năm 2015, Lĩnh vực Công nghiệp và Bán lẻ sẽ trở thành 2 mũi nhọn của Sơn Hà trong cơ cấu doanh thu và lợi nhuận



TỔNG QUAN SƠN HÀ

Tầm nhìn, sứ mệnh và giá trị cốt lõi
Chiến lược của công ty
Quá trình phát triển của công ty
Những sự kiện nổi bật năm 2011
Môi trường kinh doanh và triển vọng

TỔNG QUAN SƠN HÀ

Tầm nhìn, sứ mệnh và giá trị cốt lõi
Chiến lược của công ty
Quá trình phát triển của công ty
Những sự kiện nổi bật năm 2011
Môi trường kinh doanh và triển vọng

Quá trình phát triển của công ty

1998

Công ty TNHH Cơ Kim khí Sơn Hà thành lập với vốn điều lệ 600 triệu đồng.



2004

Tăng vốn điều lệ lên 30 tỷ đồng
Đạt tiêu chuẩn ISO 9001 - 2000

2006

Tăng vốn điều lệ lên 41 tỷ đồng

2007

Công ty TNHH Cơ Kim khí Sơn Hà chuyển đổi thành CTCP Quốc tế Sơn Hà



2008

Tăng vốn điều lệ lên 120 tỷ đồng

Nhà máy sản xuất Inox Sơn Hà (Công nghiệp Phụng) hoàn thành và đi vào sản xuất



2009

CTCP Quốc tế Sơn Hà trở thành công ty đại chúng với vốn điều lệ 150 tỷ đồng

Cổ phiếu CTCP Quốc tế Sơn Hà (SHI) giao dịch phiên đầu tiên tại HOSE



2010

Nhà máy tại Hooc-môn đi vào hoạt động

Phát hành thành công 10 triệu cổ phiếu thu về 163 tỷ đồng và 2 đợt trái phiếu thu về 100 tỷ đồng với lãi suất 16%/ năm



2011

Mua 75.8% cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư & Kinh doanh Thương mại Vinaconex, chính thức bước chân vào lĩnh vực bán lẻ

Top 100 Giải thưởng Sao Vàng Đất Việt

Mở rộng thị trường xuất khẩu ống thép sang Nam Mỹ, Trung Đông bên cạnh thị trường truyền thống

Chính thức quyết định thoái vốn khỏi lĩnh vực BĐS



Tầm nhìn, sứ mệnh và giá trị cốt lõi
Chiến lược của công ty
Quá trình phát triển của công ty
Những sự kiện nổi bật năm 2011
Môi trường kinh doanh và triển vọng

Những sự kiện nổi bật 2011

Năm 2011 Sơn Hà đã đạt được một số cột mốc nổi bật đánh dấu bước phát triển mới của Công ty

1 Sơn Hà đạt top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR 500).

Với những thành tích trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mình, Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà liên tiếp trong nhiều năm qua đều đạt thứ hạng cao trong bảng xếp hạng VNR 500. Năm 2011, công ty đạt thứ hạng 202 trong tổng số 500 Doanh nghiệp trên bảng xếp hạng. Cùng với đó, Sơn Hà cũng lọt vào Top 1,000 Doanh nghiệp nộp thuế thu nhập lớn nhất Việt Nam năm 2011.



2 Sơn Hà đạt top 100 Giải thưởng sao vàng đất Việt

Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà đã vinh dự đạt Top 100 Giải thưởng Sao vàng đất Việt. Là doanh nghiệp nhiều năm liên tục đạt giải thưởng cao quý này, Sơn Hà ngày càng khẳng định năng lực cạnh tranh cũng như vị thế vượt trội trên thị trường trong và ngoài nước.



3 Mua lại 75% cổ phần của TM Vinaconex

Ngày 10/5, HĐQT Sơn Hà đã ra nghị quyết mua lại toàn bộ cổ phần của Tổng Công ty CP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam tại Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh thương mại Vinaconex. Đây được coi là sự kiện nổi bật nhất, ghi nhận Sơn Hà chính thức gia nhập ngành hàng tiêu dùng, một trong những nhóm ngành mục tiêu trong chiến lược phát triển của công ty. Đây là bước chuẩn bị cho khai trương hệ thống siêu thị vào năm tới.



4 Lãnh đạo Sơn Hà nhận giải thưởng Sao Đỏ

Năm 2011, ông Lê Hoàng Hà, Tổng Giám đốc công ty vinh dự nhận giải thưởng Sao Đỏ - Giải thưởng tối thiểu 3 năm một lần dành cho 10 doanh nghiệp xuất sắc nhất có nhiều đóng góp cho xã hội. Giải thưởng thường niên của Hội Doanh nghiệp trẻ Việt Nam dành cho những doanh nhân thành đạt và có nhiều đóng góp cho xã hội.

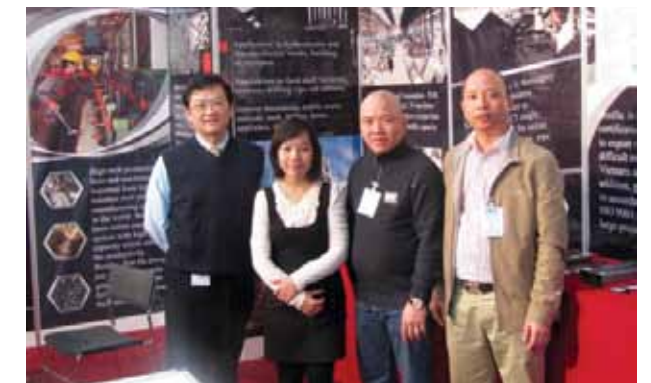
5 Vinh dự tiếp đoàn hữu nghị Việt Nam - Lào - Campuchia

Trong không khí nồng ấm, thắm đượm tình cảm anh em bạn bè, Ban lãnh đạo Công ty đã chia sẻ với Đoàn những chặng đường phát triển của công ty và phương hướng phát triển sắp tới. Đoàn rất lấy làm vinh dự vì được BLĐ chia sẻ những kinh nghiệm quý báu, coi Sơn Hà là doanh nghiệp điển hình tiêu biểu để khi về nước các bạn có thể học tập, noi theo.



6 Sơn Hà tham gia Hội chợ và Hội thảo về Thép không gỉ thế giới tại Hà Lan

Đây là một trong những sự kiện đánh dấu mục tiêu mở rộng xuất khẩu sang các thị trường tiềm năng khác bên cạnh thị trường truyền thống (Mỹ) của Doanh nghiệp. Là đại diện duy nhất của Việt Nam và cũng là một trong số ít các công ty châu Á tham gia Hội chợ, Sơn Hà đã giành được nhiều tín hiệu phản hồi đáng mừng từ các khách tham quan, nhận được nhiều thư hỏi hàng từ Đức, Pháp, Hà Lan, Ấn Độ, Phần Lan, v.v...



7 Sơn Hà xếp loại AA trong "Báo cáo thường niên Chỉ số tín nhiệm Việt Nam 2011"

Báo cáo thực hiện việc xếp hạng tín nhiệm 596 doanh nghiệp niêm yết trên sàn chứng khoán, trong đó SHI cũng đã vinh dự được xếp hạng AA, thuộc loại ưu, đánh giá là doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả và ổn định, khả năng tự chủ tài chính tốt, triển vọng phát triển cao, rủi ro thấp.



8 Sơn Hà - EVN ký thỏa thuận hợp tác quảng bá sử dụng Bình nước nóng năng lượng mặt trời giai đoạn 2011 - 2015

Đây là lần thứ 2 Sơn Hà hợp tác với EVN, sau thành công bước đầu của việc quảng bá thúc đẩy sử dụng Thái Dương Năng giai đoạn 2010 - 2011.



Tầm nhìn, sứ mệnh và giá trị cốt lõi
Chiến lược của công ty
Quá trình phát triển của công ty
Những sự kiện nổi bật năm 2011
Môi trường kinh doanh và triển vọng

Tầm nhìn, sứ mệnh và giá trị cốt lõi
Chiến lược của công ty
Quá trình phát triển của công ty
Những sự kiện nổi bật năm 2011
Môi trường kinh doanh và triển vọng

Môi trường kinh doanh và triển vọng

KINH TẾ VĨ MÔ

Nền kinh tế thế giới năm 2011 ghi nhận nhiều biến động lớn như cuộc khủng hoảng về nợ công ở Mỹ và một số nước Châu Âu (Italy, Hy Lạp, Tây Ban Nha, Ireland, Bồ Đào Nha,...); thảm họa thiên nhiên chưa từng có với hậu quả nặng nề về người và tài chính. Hàng loạt các gói kích cầu kinh tế như gói tiền tệ, hạ tỷ lệ dự trữ bắt buộc, v.v. được Chính phủ các nước thực hiện. Theo nhiều chuyên gia dự báo kinh tế, năm 2012 cũng sẽ là một năm đầy khó khăn đối với nền kinh tế các khu vực nói riêng và thế giới nói chung.

Năm 2011 là năm đầu tiên Việt Nam thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2011 – 2015, bên cạnh các điều kiện thuận lợi như tình hình chính trị ổn định, Việt Nam cũng phải đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức như lạm phát cao, sức ép về tăng trưởng tín dụng, thị trường bất động sản đóng băng, thị trường chứng khoán ảm đạm.v.v.

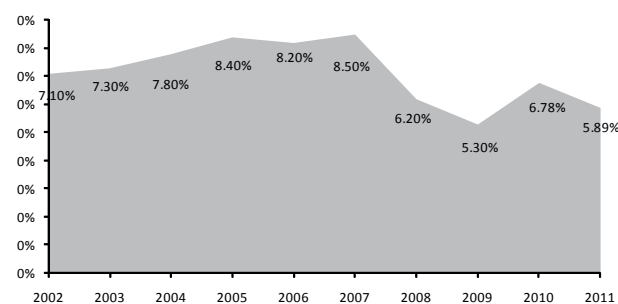
GDP

Theo Tổng cục thống kê, GDP Việt Nam năm 2011 tăng 5.89% so với 2010. Trong đó, GDP quý I tăng 5.57%; quý II tăng 5.68%; quý III và quý IV tăng lần lượt 6.07% và 6.10%. Mặc dù tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước năm nay thấp hơn mức tăng 6.78% của năm 2010 nhưng trong điều kiện tình hình sản xuất rất khó khăn và cả nước tập trung ưu tiên kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô thì mức tăng trưởng trên là khá cao và hợp lý. Khu vực dịch vụ, công nghiệp và xây dựng tăng lần lượt là 6.99% và 5.53%, tương đương với đóng góp 2.91 và 2.32 điểm phần trăm vào GDP 2011.

Lạm phát

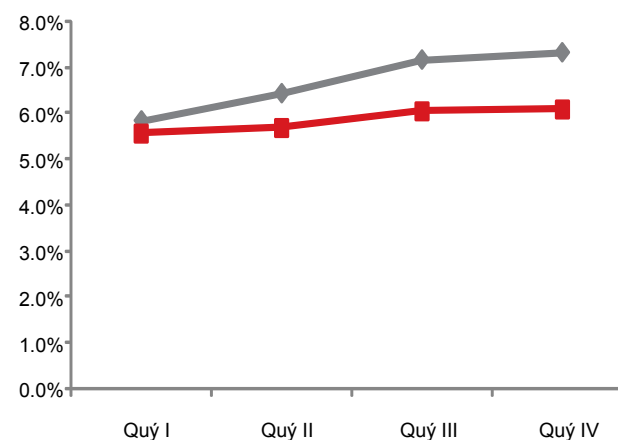
Đây là vấn đề được đề cập tới nhiều trong năm 2011. Lạm phát leo thang và đạt đỉnh ở mức 23% vào tháng 8. Mục tiêu kiềm chế lạm phát được đặt ra với hàng loạt các biện pháp điều tiết thị trường cũng như các biện pháp hành chính.

Tăng trưởng GDP Việt Nam qua các năm



(Nguồn: Tổng cục thống kê)

Tăng trưởng GDP Việt Nam theo quý



(Nguồn: Tổng cục thống kê)

Tầm nhìn, sứ mệnh và giá trị cốt lõi
Chiến lược của công ty
Quá trình phát triển của công ty
Những sự kiện nổi bật năm 2011
Môi trường kinh doanh và triển vọng

Kết quả là CPI nước ta cả năm được kiểm soát ở mức 18.58%, cao hơn so với trần lạm phát được đề ra tuy nhiên nằm trong ngưỡng 18% do Quốc hội điều chỉnh. Chỉ số này vẫn ở mức cao nhưng điều quan trọng hơn là căng thẳng về lạm phát đã phần nào giảm bớt. Đây là tín hiệu tích cực đối với vấn đề lạm phát ở Việt Nam trong thời gian tới.

Tăng trưởng tín dụng

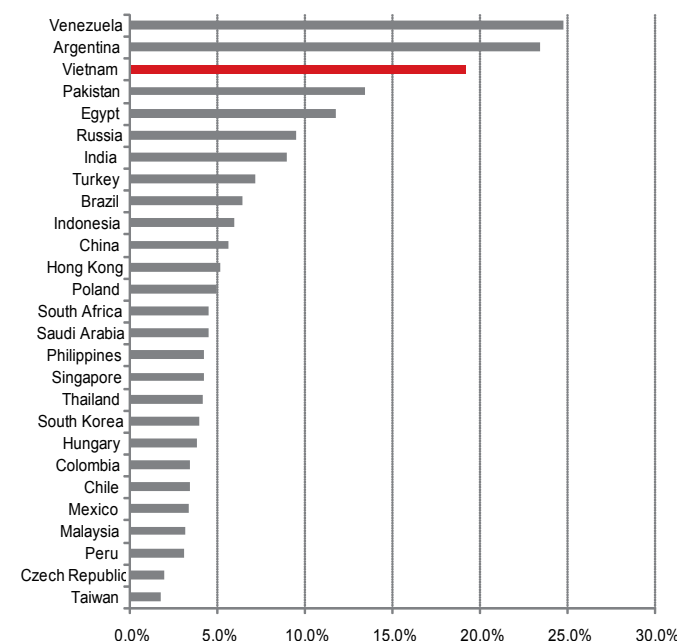
Trong khoảng 10 năm kể từ 2000 – 2011, chỉ số tăng trưởng tín dụng trung bình của hệ thống NHVN là 19.4%/năm, 5 năm gần đây là 33.5%/năm. Cùng với chính sách kiềm chế lạm phát, hạn chế tăng trưởng tín dụng nóng, năm 2011, NHNN đã kiểm soát mức tăng trưởng tín dụng của toàn hệ thống là 12%. Điều này cộng thêm với tình hình kinh doanh của các doanh nghiệp đang sụt giảm, các thị trường bất động sản, chứng khoán đi xuống khiến cho tình hình thanh khoản của nhiều tổ chức tài chính và doanh nghiệp trở nên thấp hơn; tác động tiêu cực đến thị trường tài chính cũng như nền kinh tế nói chung.

Lãi suất

Lãi suất cho vay 2011 duy trì ở mức 18% -20%/năm thậm chí có thời kỳ lên tới 23%/năm, khiến chi phí vốn của nhà đầu tư và doanh nghiệp rất cao, chỉ số khả năng sinh lời giảm. Chỉ thị 01/CT-NHNN do Ngân hàng Nhà nước ban hành ngày 1/3/2011 còn yêu cầu giảm tỷ trọng tín dụng cho vay trong lĩnh vực phi sản xuất (chứng khoán, Bất động sản,...). Các yếu tố trên tạo nên áp lực lớn đối với nhà đầu tư, gây thiếu hụt nguồn tiền trong ngắn hạn. Mục tiêu giảm lãi suất cho vay cùng với cam kết của các Ngân hàng, hi vọng năm 2012 cơ hội tiếp cận nguồn vốn ngân hàng với chi phí hợp lý sẽ tăng lên.

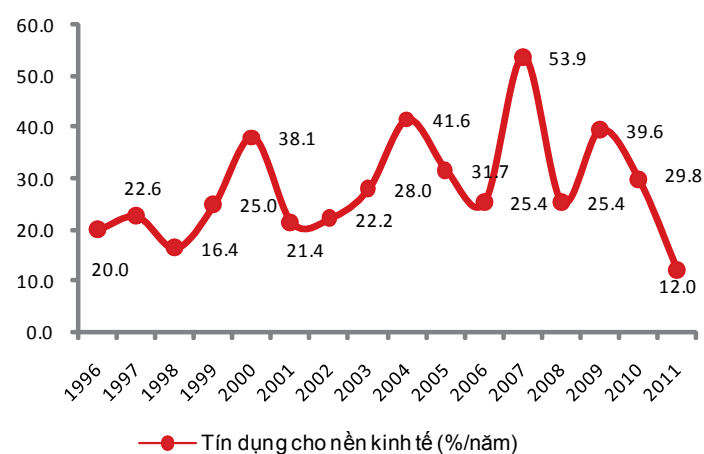
Tuy rằng có khá nhiều biến động của thị trường song nền kinh tế Việt Nam năm 2012 vẫn được kỳ vọng về sự ổn định. Để làm được mục tiêu đó, chắc chắn phải cần nỗ lực vượt bậc của Chính phủ, các nhà đầu tư, doanh nghiệp và chính bản thân người tiêu dùng.

Việt Nam xếp thứ 3 thế giới về lạm phát



(Nguồn: The Economist)

Tốc độ tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế Việt Nam



(Nguồn: The Economist)

TỔNG QUAN SƠN HÀ

- Tầm nhìn, sứ mệnh và giá trị cốt lõi
- Chiến lược của công ty
- Quá trình phát triển của công ty
- Những sự kiện nổi bật năm 2011
- Môi trường kinh doanh và triển vọng

NGÀNH HÀNG BÁN LẺ (Siêu thị)

Ngành hàng bán lẻ, trong đó kinh doanh siêu thị là một trong những lĩnh vực tăng trưởng mạnh nhất trong thời gian gần đây (trên 20%) và được kỳ vọng sẽ tiếp tục tăng trong thời gian tới. Năm 2011, ngành vẫn đạt quy mô khá, xấp xỉ 90 tỷ đô la Mỹ, đóng góp 15 - 16% GDP của cả nước.

Xu thế tiêu dùng hiện nay

Mua sắm tại các siêu thị, các kênh phân phối hiện đại thay vì đến các chợ truyền thống do: (i) giá cả ở các siêu thị ngày càng cạnh tranh và ổn định; (ii) hàng hóa trong siêu thị, đặc biệt là các siêu thị lớn rất phong phú; (iii) chất lượng hàng siêu thị đảm bảo hơn. Một số ng-hiền cứu cho thấy:

- 81% người tiêu dùng cắt giảm chi tiêu cho các sản phẩm không phải là thiết yếu do ảnh hưởng từ lạm phát tăng cao và nền kinh tế suy giảm. (Theo Nielsen – Báo cáo tình hình bán lẻ tại Việt Nam (2011 update))
- 71% khách hàng tin tưởng vào hàng Việt Nam chất lượng cao và 84% quan tâm đến hàng hóa an toàn thực phẩm, tốt cho sức khỏe. (Theo FTA – Báo cáo xu hướng tiêu dùng 2012)
- Xu hướng “Tiêu dùng xanh” với các sản phẩm thân thiện với môi trường ngày càng được người tiêu dùng biết đến và ủng hộ nhờ các nhà phân phối, nhà sản xuất và truyền thông.

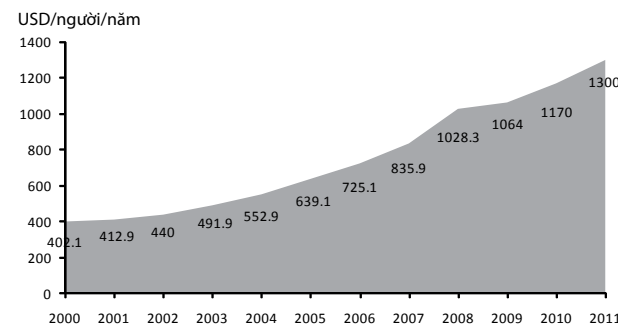
Sức mua

Ở nhiều ngành hàng, sức mua có phần chững lại do người mua không bắt kịp được mức tăng giá cao. Do đó, họ chủ yếu mua hàng hóa cần thiết và ưa chuộng hàng khuyến mãi. Trong bối cảnh nền kinh tế khó khăn, chỉ số thu hút đầu tư vào thị trường bán lẻ (GRDI) cho thấy Việt Nam đã tụt xuống hạng 23 năm 2011, từ vị trí thứ hai vào năm 2008. Nhiều khả năng, sức mua góp phần ảnh hưởng đến chỉ số không được như mong đợi này.

Thu nhập bình quân đầu người

Việt Nam là nước đông dân và dân số trẻ, thu nhập bình quân đầu người liên tục tăng nhưng vẫn còn ở mức chưa cao (khoảng \$1,300/người vào năm 2011). So với các thị trường bán lẻ hấp dẫn trên thế giới thì chỉ khi nào Việt Nam có thu nhập bình quân đầu người từ 3,000 USD trở lên thì mới thực sự thu hút các nhà đầu tư bán lẻ nước ngoài.

Thu nhập bình quân đầu người qua các năm (USD/người/năm)



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Xu hướng ngành bán lẻ 2012

Chủ tịch Hiệp hội các nhà bán lẻ Việt Nam Phan Thế Ruệ dự báo thị trường bán lẻ Việt Nam năm 2012 tiếp tục tăng trưởng nhưng chưa có đột biến lớn về quy mô. Báo cáo với Phó thủ tướng Hoàng Trung Hải thời gian gần đây, lãnh đạo Bộ Công Thương cũng cho rằng định hướng đối với thị trường bán lẻ năm 2012 và nhiều năm tới là phát triển bền vững, hỗ trợ hợp lý cho sự phát triển của các doanh nghiệp bán lẻ trong nước trước sự cạnh tranh quyết liệt của các nhà bán lẻ nước ngoài trên thị trường nội địa. Đây cũng là bài toán tư duy dành cho các nhà quản lý và doanh nghiệp bán lẻ hiện nay.

TỔNG QUAN SƠN HÀ

- Tầm nhìn, sứ mệnh và giá trị cốt lõi
- Chiến lược của công ty
- Quá trình phát triển của công ty
- Những sự kiện nổi bật năm 2011
- Môi trường kinh doanh và triển vọng

NGÀNH THÉP

Sản lượng sản xuất, tiêu thụ thép

Năm 2011, sản lượng thép sản xuất đã vượt nhu cầu thép tiêu thụ. Ảnh hưởng một phần từ ngành bất động sản trầm lắng và chính sách cắt giảm đầu tư công của chính phủ, nhu cầu tiêu thụ thép vào 6 tháng cuối năm 2011 liên tiếp giảm mạnh ở mức 2.2 triệu tấn, giảm 13% so với cùng kỳ năm trước. Do vậy, lượng thép tồn kho lên đến con số kỷ lục: 800,000 tấn từ quý II đến nay, kéo theo gánh nặng tiền lãi vay các doanh nghiệp thép phải trả cho ngân hàng.

Bên cạnh đó, trong khi sức tiêu thụ rất thấp thì giá nguyên vật liệu đầu vào như phôi thép, thép phế liệu .v.v biến động mạnh, đặc biệt đối với các doanh nghiệp nhập khẩu nguyên vật liệu sản xuất là chủ yếu khó có thể dự đoán được diễn biến giá nguyên vật liệu để xây dựng chiến lược hàng tồn kho phù hợp. Hiện nay, mặc dù giá phôi thép và thép phế liệu có xu hướng giảm mạnh thì mức giá thép thành phẩm từ các nhà sản xuất vẫn được giữ ở mức tương đối cao. Diễn hình như vào tháng 8, các nhà sản xuất thép đều đồng loạt đẩy giá tăng 2 đợt với mức tăng tổng cộng khoảng 1 triệu đồng/tấn.

Sản lượng xuất nhập khẩu thép

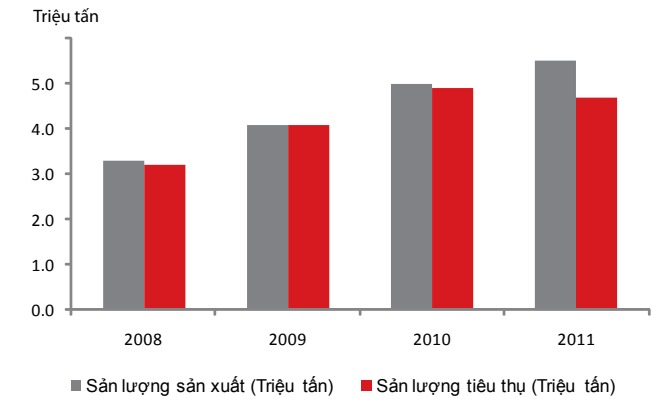
Ngành thép đang ghi nhận những thành công nhất định về sản lượng xuất khẩu. Tỷ trọng thép xuất khẩu tăng mạnh và đều trong những năm gần đây cả về lượng và giá trị. Các thị trường xuất khẩu chính mà ngành thép nước ta hướng đến chủ yếu là Campuchia, Malaysia, Indonesia, Trung Quốc, Ấn độ, Hàn Quốc,...

Ngược lại với xuất khẩu, tính đến hết năm 2011, tổng lượng nhập khẩu sắt thép của Việt Nam là 7.39 triệu tấn, giảm 18.7%, kim ngạch nhập khẩu là 6.43 tỷ USD, tăng 4.5%. Trong đó, lượng phôi thép nhập khẩu là 878 nghìn tấn, trị giá đạt 576 triệu USD, giảm 55.8% về lượng và giảm 46.4% về trị giá so với năm 2010.

Ổng thép Việt Nam chính thức bị Hoa Kỳ điều tra chống bán phá giá và chống trợ cấp.

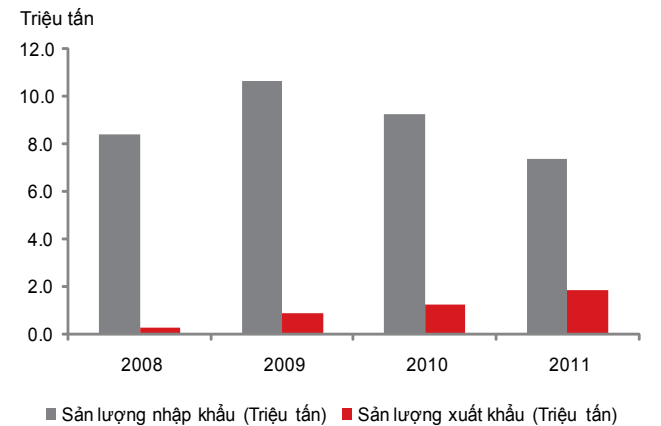
Theo thống kê của Bộ Công Thương, 9 tháng đầu năm nay, xuất khẩu thép tăng đột biến với tổng giá trị 1.26 tỷ USD. Trong khi đó, theo số liệu của Tổng cục Hải quan, doanh thu xuất khẩu ổng thép 9 tháng đầu năm ước đạt 61.3 triệu USD, chỉ bằng 4.8% tổng giá trị xuất khẩu thép của Việt Nam.

Sản lượng sản xuất và tiêu thụ thép xây dựng qua các năm



Nguồn: VSA

Sản lượng sản xuất và tiêu thụ thép xây dựng qua các năm



Nguồn: VSA, Tổng cục Hải quan Việt Nam

Xu hướng ngành thép 2012

Năm 2012, tăng trưởng ngành thép dự báo ở mức 4%, thấp hơn nhiều so với những năm trước, với tổng nguồn cung thép xây dựng đạt 6.8 – 6.9 triệu tấn. Cùng với đó, doanh nghiệp phải đối diện với các thử thách lớn về lãi suất cho vay cao, cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp, chi phí đầu vào và sản xuất lớn. Đặc biệt, những doanh nghiệp thép có vốn đầu tư thấp, công suất nhỏ và công nghệ lạc hậu,... sẽ phải ngừng sản xuất. Vì vậy, năm 2012 cũng mở ra cơ hội để tái cấu trúc ngành thép theo hướng phát triển bền vững.

TỔNG QUAN SƠN HÀ

- Tầm nhìn, sứ mệnh và giá trị cốt lõi
- Chiến lược của công ty
- Quá trình phát triển của công ty
- Những sự kiện nổi bật năm 2011
- Môi trường kinh doanh và triển vọng

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Kết quả kinh doanh
- Lĩnh vực Công nghiệp
- Lĩnh vực Bất Động sản
- Lĩnh vực Bán lẻ
- Quản trị rủi ro

BẤT ĐỘNG SẢN

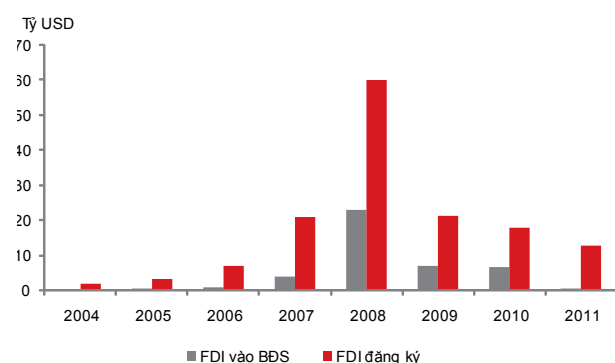
Ngày 24/2, trong nỗ lực giảm lạm phát, Chính phủ ban hành nghị quyết 11, chỉ đạo các ngân hàng siết chặt tín dụng, giảm tốc độ và tỷ trọng dư nợ cho vay lĩnh vực phi sản xuất, đặc biệt là BĐS và chứng khoán. Ngay sau khi nghị quyết 11 được thông qua, thị trường BĐS tụt giảm thanh khoản mạnh. Nhiều doanh nghiệp địa ốc không có đủ vốn để tiếp tục đầu tư, phải “bán tháo” các dự án của mình với giá giảm từ 20% - 30%. Nhiều công ty khác cũng rơi vào hoàn cảnh tương tự khi các ngân hàng siết nợ để đưa tỷ trọng dư nợ về 16%.

Nguồn vốn cho BĐS càng khan hiếm hơn khi FDI vào BĐS trong năm giảm. Nguyên nhân là thị trường BĐS thanh khoản thấp, tình hình khó khăn chung trong nước và thế giới, khiến các nhà đầu tư nước ngoài không có niềm tin để tiếp tục rót vốn đầu tư.

Như một hệ quả tất yếu, năm 2011 chứng kiến hàng loạt vụ vỡ nợ hàng trăm tỷ đồng của các đại gia BĐS. Đồng thời, nhiều vụ kiện cáo do xung đột về tiến độ dự án, lỗi suất, phí dịch vụ, v.v... giữa chủ đầu tư và người dân càng làm thị trường thêm bất ổn. Bên cạnh con số 1.62 tỷ đồng xử phạt sai phạm các sàn BĐS trong 6 tháng đầu năm 2011, theo Tổng hội Xây dựng Việt Nam, hơn 99% các dự án hiện nay còn chậm tiến độ. Hàng trăm dự án lớn nhỏ, trong đó có các dự án của nhà đầu tư nước ngoài với vốn đăng kí lên đến hàng tỷ USD cũng đã bị thu hồi hoặc kiến nghị thu hồi giấy phép sau nhiều năm triển khai không có hiệu quả.

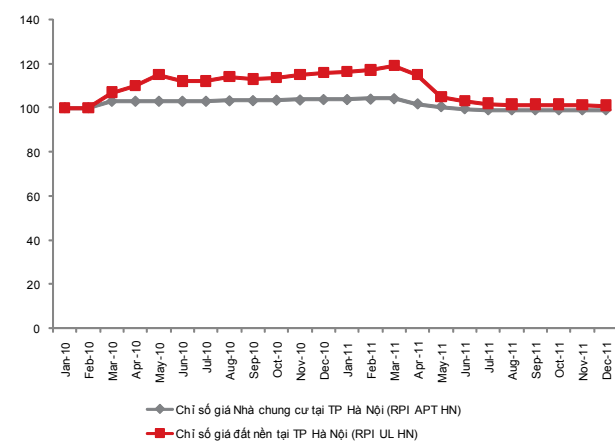
Mức FDI đăng ký và FDI vào BĐS qua các năm

Nguồn: Cafef



Chỉ số giá về BĐS tại Hà Nội trong năm 2010-2011

Nguồn: Bộ Xây dựng



Kết quả kinh doanh
Lĩnh vực Công nghiệp
Lĩnh vực Bất Động sản
Lĩnh vực Bán lẻ
Quản trị rủi ro

Kết quả kinh doanh

Đơn vị: Tỷ đồng

Một số chỉ tiêu tài chính	2009	2010	2011
Doanh thu thuần	1,067.1	1,451.8	1,956.3
Lợi nhuận gộp	162.6	253.9	263.7
Tỷ suất lợi nhuận gộp	15%	17%	13%
Lợi nhuận trước thuế	46.5	121.7	26.7
Lợi nhuận sau thuế	35.6	90.2	18.8
Tỷ suất lợi nhuận ròng	3%	6%	1%
EPS	2,850.0	3,518.0	586.0
EBITDA	89.8	160.6	156.2
Tỷ suất EBITDA	8%	11%	8%
EBIT	55.4	94.8	43.1
Tỷ suất EBIT	5%	7%	2%
Khấu hao	19.8	25.7	28.62
Chi phí lãi vay	34.4	65.8	113.03
Hệ số chi trả lãi vay	161%	144%	38%

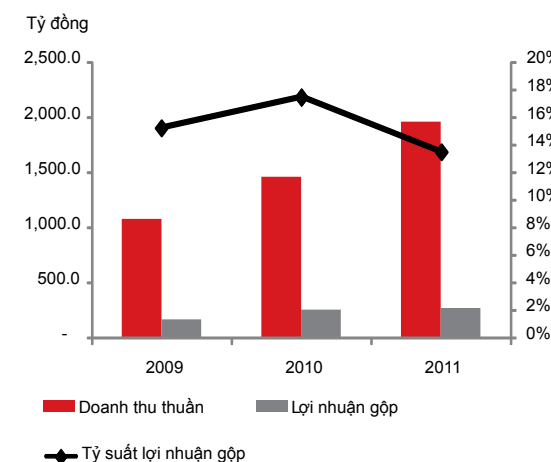
Một số chỉ tiêu Thực hiện so với Kế hoạch Năm 2011

	Kế hoạch	Thực hiện	% Kế hoạch
Doanh thu thuần (Tỷ VND)	1,800.0	1,956.3	109%
Lợi nhuận sau thuế (Tỷ VND)	30.0	18.8	63%
Mức chi trả cổ tức (VND)	15%	5% (*)	33%

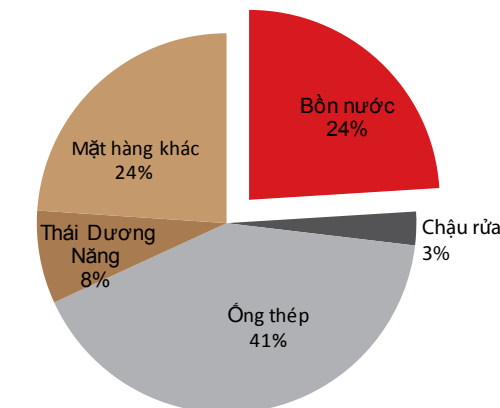
(*): Đề xuất trình ĐHCĐ năm 2012

Kết quả kinh doanh
Lĩnh vực Công nghiệp
Lĩnh vực Bất Động sản
Lĩnh vực Bán lẻ
Quản trị rủi ro

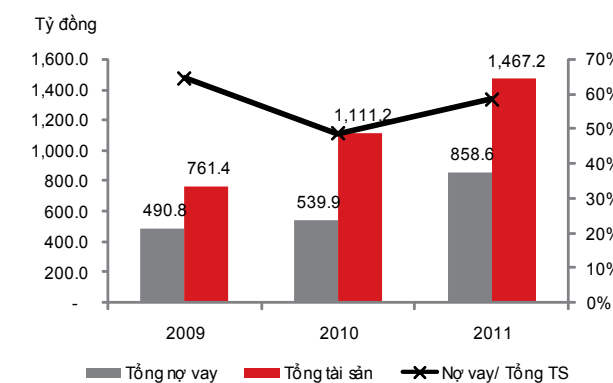
Doanh thu và lợi nhuận 2009 - 2011



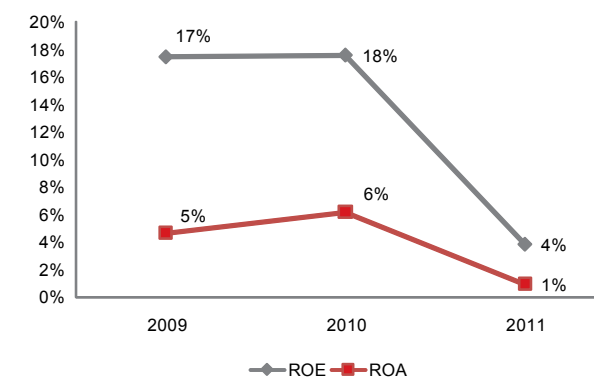
Cơ cấu doanh thu năm 2011



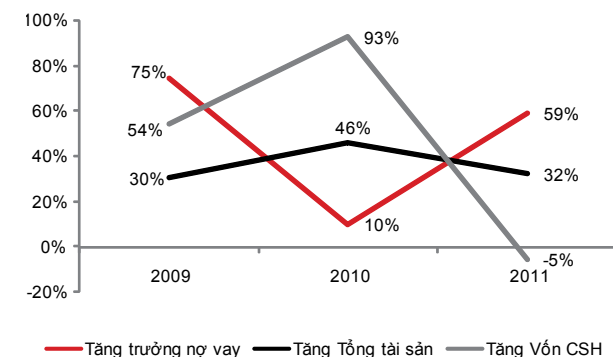
Tổng nợ vay, tổng tài sản 2009 - 2011



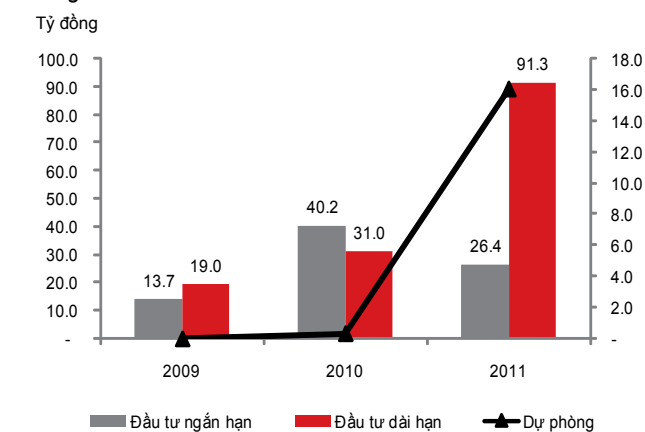
ROA, ROE 2009 - 2011



Tăng trưởng Nợ vay, Tổng tài sản và VCSH 2009 - 2011



Dòng tiền 2010 - 2011



Kết quả kinh doanh
Lĩnh vực Công nghiệp
Lĩnh vực Bất Động sản
Lĩnh vực Bán lẻ
Quản trị rủi ro

Doanh thu đạt hơn 1,900 tỷ đồng tăng 35% so với năm 2010. Lợi nhuận gộp khoảng 264 tỷ đồng (năm 2010: 254 tỷ đồng), kéo theo tỷ suất lợi nhuận gộp giảm còn 13% năm 2011 so với 17% năm 2010.

Doanh thu

Năm 2011, doanh thu thuần đạt 1,956 tỷ đồng tăng 35% so với năm 2010 (2010: 1,452 tỷ đồng); vượt 9% kế hoạch đề ra.

Doanh thu chủ yếu đến từ lĩnh vực Công nghiệp truyền thống của Sơn Hà (99.6% cơ cấu doanh thu) 0.3% doanh thu tương đương với 6 tỷ đồng đến từ lĩnh vực siêu thị bán lẻ, lĩnh vực được Sơn Hà chính thức đầu tư trong năm 2011.

Mặc dù tình hình khó khăn trong năm, Sơn Hà vẫn đạt được doanh thu theo kế hoạch đề ra nhờ sự nỗ lực của Ban lãnh đạo công ty và toàn thể công nhân viên thông qua các chính sách hỗ trợ giá cho người tiêu dùng, nghiên cứu nhu cầu và cải tiến sản phẩm cũng như phương thức bán hàng tới các đại lý và người tiêu dùng.

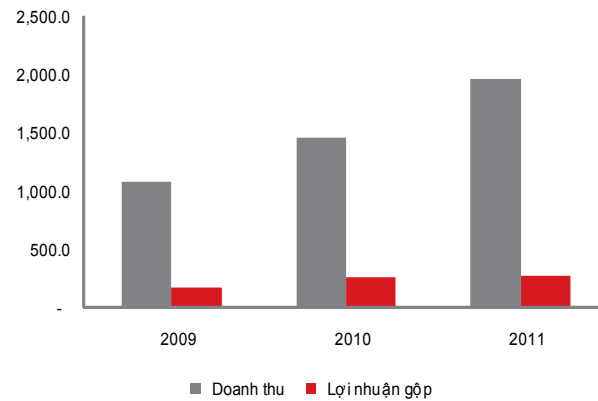
Lợi nhuận gộp

Năm 2011, lợi nhuận gộp là 263.7 tỷ đồng (2010: 253.9 tỷ đồng), tỷ suất lợi nhuận gộp giảm từ 17% năm 2010 xuống còn 13% năm 2011.

Nguyên nhân chủ yếu do giá cả nguyên vật liệu biến động mạnh và khó dự đoán trong năm, trong khi hơn 90% nguyên vật liệu sản xuất của Sơn Hà là nhập khẩu (giá inox đầu vào tăng trung bình 17% so với cùng kỳ năm trước).

Ngoài ra, Sơn Hà duy trì tỷ lệ tăng giá bán thấp hơn mức tăng trung bình của các nguồn đầu vào (tối đa tăng 8% so với cùng kỳ năm trước) với mục tiêu giữ thị phần và chia sẻ một phần khó khăn với khách hàng.

Doanh thu thuần và Lợi nhuận gộp 2009-2011



	2010	2011
Đơn vị: tỷ đồng		
Doanh thu thuần	1,451.8	1,956.3
Giá vốn hàng bán	1,197.9	1,692.6
LỢI NHUẬN GỘP	253.9	263.7
Tỷ suất lợi nhuận gộp	17%	13%
Thu nhập tài chính	29.3	18.2
Chi phí tài chính	(95.4)	(156.1)
% doanh thu	7%	8%
Chi phí lãi vay	(65.8)	(113.0)
Thu nhập/chi phí tài chính ròng	(66.1)	(137.9)
% doanh thu	5%	7%
Chi phí bán hàng	(69.6)	(59.2)
% doanh thu	5%	3%
Chi phí quản lý	(26.7)	(40.5)
% doanh thu	2%	2%
LỢI NHUẬN HOẠT ĐỘNG	91.5	26.2
Tỷ suất lợi nhuận hoạt động	6%	1%
Thu nhập/(chi phí) khác	30.2	0.6
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	121.7	26.7
LỢI NHUẬN SAU THUẾ	90.2	18.8
Trừ: lợi ích cổ đông thiểu số	21.1	4.3
LỢI NHUẬN CỔ ĐÔNG	69.1	14.5

Kết quả kinh doanh
Lĩnh vực Công nghiệp
Lĩnh vực Bất Động sản
Lĩnh vực Bán lẻ
Quản trị rủi ro

Tỷ suất lợi nhuận giảm mạnh còn 1% năm 2011, nguyên nhân chủ yếu do hầu hết các chi phí tăng mạnh trong năm.

Lợi nhuận hoạt động

Lợi nhuận hoạt động đạt 26.2 tỷ đồng, giảm 65 tỷ đồng (tương đương 71%) so với năm 2010. Tỷ suất lợi nhuận hoạt động còn 1% so với 6% năm 2010.

Hầu hết các chi phí đều tăng mạnh trong năm 2011. Chi phí quản lý doanh nghiệp từ 26.7 tỷ đồng năm 2010 lên 40.5 tỷ đồng, tương đương 52%. Trong đó, chi lương cho nhân viên chiếm tỷ trọng cao nhất, do trong năm Sơn Hà thực hiện điều chỉnh chính sách lương và chế độ đãi ngộ cho nhân viên nhằm phát triển và thu hút nguồn nhân lực nòng cốt gắn bó dài lâu với doanh nghiệp.

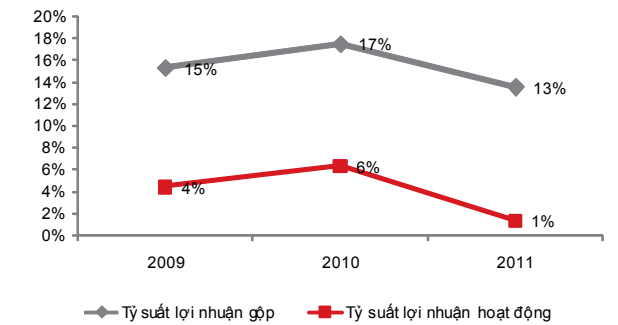
Chi phí tài chính tăng 61 tỷ đồng, tương đương 64%, trong đó đặc biệt phải kể tới Chi phí lãi vay tăng 72% từ 65.8 tỷ đồng lên tới 113 tỷ đồng năm 2011. Chi phí lãi vay tăng cao một phần nguyên nhân do lãi suất vay tăng so với năm 2010; trung bình lãi suất vay khoảng 20% - 22%.

Hàng tồn kho

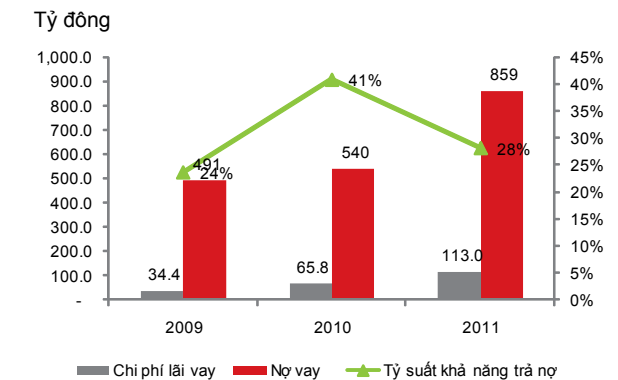
Hàng tồn kho chiếm gần 24% trong tổng tài sản của Sơn Hà. Tính đến thời điểm 31/12/2011, Dư hàng tồn kho là 354.6 tỷ đồng tăng 86 tỷ đồng tương đương 32% so với năm 2010.

Sơn Hà duy trì mức nguyên vật liệu tương đối cao trong cơ cấu hàng tồn kho, lần lượt là 42% và 49% năm 2011. Do biến phức tạp của giá nguyên vật liệu đầu vào (nguyên vật liệu chủ yếu là nhập khẩu) Sơn Hà khó có thể dự đoán được giá nguyên liệu cũng như sự thay đổi về tỷ giá ngoại tệ. Đây cũng là nguyên nhân khiến cho giá vốn hàng bán tăng cao trong năm khi giá nguyên vật liệu trong kỳ giảm xuống, doanh nghiệp vẫn bị ảnh hưởng bởi giá nguyên vật liệu cao của kỳ trước đó.

Doanh thu thuần và Lợi nhuận gộp 2009 -2011



Tổng dư nợ và chi phí lãi vay 2009-2011



Hàng Tồn Kho	2009	2010	2011
Hàng mua đang đi đường	10.8	49.6	32.4
Nguyên vật liệu	112.4	114.6	170.9
Thành phẩm	33.5	75.3	120.1
Hàng hóa	17.7	22.8	25.7
Công cụ, dụng cụ	1.1	6.1	5.3
Khác	0.4	0.3	0.2
Tổng	175.8	268.7	354.6

Kết quả kinh doanh
Lĩnh vực Công nghiệp
Lĩnh vực Bất Động sản
Lĩnh vực Bán lẻ
Quản trị rủi ro

Nợ vay tăng 56% so với năm 2010, trong đó dư nợ ngắn hạn chiếm gần 90% (năm 2010: 72%). Sơn Hà đang xem xét rà soát cân đối và cơ cấu lại nguồn vốn cho hợp lý, đảm bảo sử dụng vốn hiệu quả trong các năm tiếp theo.

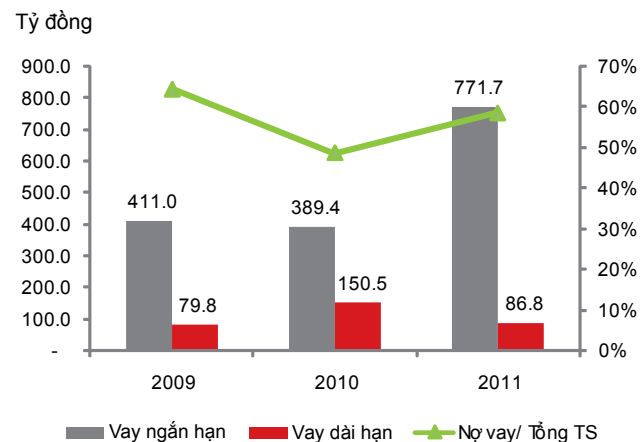
Cơ cấu Nợ vay

Tính đến 31/12/2011, Tổng nợ vay của Sơn Hà khoảng 859 tỷ đồng, tăng 300 tỷ đồng tương đương 56% so với năm 2010. Cụ thể, vay ngắn hạn là 771.7 tỷ tăng gần 100%. Vay dài hạn 86.8 tỷ đồng giảm 64 tỷ, trong đó có 50 tỷ trái phiếu đến hạn năm 2012 được chuyển sang vay ngắn hạn.

Dư nợ tăng cao hơn so với năm 2010 một phần do Sơn Hà mở rộng sang đầu tư phát triển lĩnh vực Bán lẻ. Dư nợ ngắn hạn chiếm gần 90% cơ cấu nợ vay của Sơn Hà, so với mức 72% năm 2010.

Dư nợ ngắn hạn cao, cơ cấu nợ ngắn hạn và dài hạn bị mất cân đối, thể hiện thông qua các chỉ số về tính thanh khoản như thanh khoản nhanh từ 16% năm 2010 chỉ còn 7% năm 2011, thanh khoản hiện thời giảm còn 97% so với 153% của năm 2010. Hiện tại, Sơn Hà đang xem xét rà soát nhằm cân đối và cơ cấu lại nguồn vốn cho hợp lý, đảm bảo tối đa hiệu quả sử dụng vốn trong năm 2012 và các năm tiếp theo.

Cơ cấu nợ vay 2009-2011



Đơn vị cho vay	Giá trị vay	
	Ngắn hạn	Dài hạn
	Tỷ VND	Tỷ VND
NH TMCP Ký Thương Việt Nam	114.3	3.2
NH TMCP ĐT & PT Việt Nam	56.7	1.1
NH TMCP Hàng Hải	192	15.2
NH TMCP Đông Nam Á	-	3.2
NH TMCP Ngoại thương VN	34.6	12.1
NH TMCP Việt Nam thương tín	-	0.2
NH TMCP Nam Việt	107.3	-
NH TMCP Công thương Việt Nam	148.6	-
NH TMCP Quân đội	47.6	-
Trái phiếu (3 năm)	-	50.0
Công ty thuê tài chính	0.0	1.8
Vay dài hạn đến hạn trả	70.7	-
Tổng cộng	771.7	86.8

Kết quả kinh doanh
Lĩnh vực Công nghiệp
Lĩnh vực Bất Động sản
Lĩnh vực Bán lẻ
Quản trị rủi ro

Dòng tiền thuần hoạt động kinh doanh và hoạt động đầu tư đều âm trong năm 2010 và 2011. Riêng hoạt động tài chính dương tăng từ 170 tỷ đồng lên 286 tỷ đồng năm 2011.

Dòng tiền hoạt động kinh doanh

Dòng tiền hoạt động kinh doanh âm một phần do chi phí trả lãi vay trong năm tăng cao. Lãi vay đã trả trong năm là 111 tỷ đồng, tăng 95% so với con số 57 tỷ đồng đã trả trong năm 2010. Lãi vay đã trả bằng 61% lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động.

Dòng tiền hoạt động đầu tư

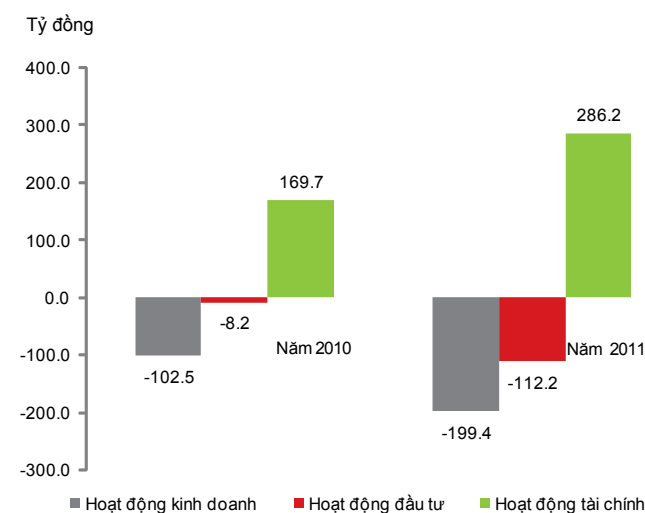
Dòng tiền từ hoạt động đầu tư âm khoảng 200 tỷ đồng, năm 2010 âm 102.5 tỷ đồng.

Trong năm, Sơn Hà tiến hành đầu tư vào tài sản cố định, chủ yếu vào lĩnh vực siêu thị bán lẻ (dự kiến siêu thị bán lẻ đầu tiên của Sơn Hà sẽ được khai trương đi vào hoạt động vào đầu Quý 3/2012).

Dòng tiền hoạt động tài chính

Năm 2011, Sơn Hà đã tối đa hóa các kênh huy động vốn, trong đó tiền vay nhận được tăng từ 1,169 tỷ đồng năm 2010 lên 1,516 tỷ đồng năm 2011. Đây chính là lý do chính khiến cho dòng tiền hoạt động tài chính của Sơn Hà duy trì dương.

Dòng tiền 2010 - 2011



Chỉ số tài chính	2009	2010	2011
Thanh khoản			
Thanh toán nhanh	6%	16%	7%
Thanh toán hiện thời	109%	153%	97
Hiệu quả vốn lưu động			
Vòng quay phải thu (ngày)	97.6	82.2	63.8
Vòng quay HTK (ngày)	70.9	81.9	76.5
Vòng quay phải trả (ngày)	19.0	27.6	21.7
Cơ cấu vốn			
Vốn vay/Vốn CSH	241%	137%	231%
Vốn vay/Tổng tài sản	32%	37%	56%
Hiệu quả sử dụng vốn			
ROE	17%	18%	4%
ROA	5%	6%	1%
ROCE	8%	10%	4%
Tăng trưởng			
Tổng tài sản	30%	46%	32%
Tổng doanh thu	26%	36%	35%

Kết quả kinh doanh
Lĩnh vực Công nghiệp
Lĩnh vực Bất Động sản
Lĩnh vực Bán lẻ
Quản trị rủi ro

Lĩnh vực Công nghiệp

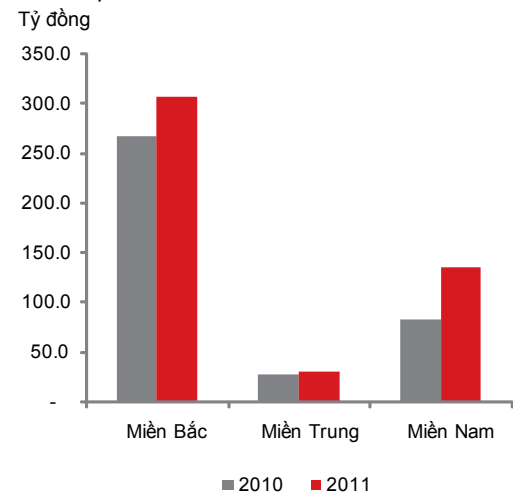
Bồn nước



Bồn nước Inox là ngành hàng truyền thống của Sơn Hà. Năm 2011, tổng doanh thu sản phẩm bồn nước đạt 470 tỷ đồng, tăng trưởng 25% so với năm 2010. Thị trường tiêu thụ mạnh nhất là phía Bắc với tổng doanh thu là 305 tỷ đồng, tiếp theo là Miền Nam với 134 tỷ đồng. So với năm 2010, Sản lượng bán Bồn nước của Sơn Hà tăng lên đáng kể, đặc biệt là thị trường Miền Nam. Thị phần bồn nước chiếm 35% toàn thị trường, riêng Miền Bắc Sơn Hà chiếm khoảng 65%.

Mục tiêu năm 2012 là giữ vững thị phần cho dòng sản phẩm bồn nước, trong đó thị trường Miền Nam được Sơn Hà ưu tiên tăng sản lượng nhằm chiếm lĩnh thị trường tại khu vực này.

Doanh thu sản phẩm Bồn nước theo miền Năm 2010 – 2011



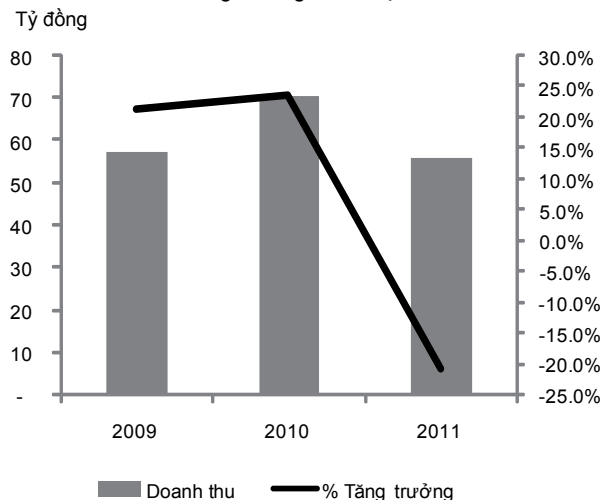
Chậu rửa



Chậu rửa Sơn Hà hầu hết được làm từ inox 201 và 202, có chất lượng cao, bền đẹp, đa dạng về mẫu mã, chủng loại với hơn 30 dòng sản phẩm khác nhau đáp ứng nhu cầu và sở thích của người tiêu dùng. Với mức doanh thu 56 tỷ đồng trong năm 2011, lợi nhuận gộp đạt hơn 12 tỷ đồng. Số lượng chậu rửa được bán trong năm khoảng hơn 200 nghìn chiếc. Về thị phần, chậu rửa Inox Sơn Hà chiếm khoảng 40%, riêng khu vực Miền Bắc chiếm hơn 50% do đây là thị trường truyền thống của Sơn Hà.

Sản phẩm chậu rửa Inox của Sơn Hà hướng đến phân khúc khách hàng có thu nhập trung bình và thấp là chủ yếu với dòng sản phẩm loại trung. Mục tiêu, Sơn Hà sẽ mở rộng phát triển dòng sản phẩm cao cấp với tiêu chuẩn chất lượng quốc tế, không chỉ phục vụ thị trường trong nước mà còn mở rộng ra quốc tế bên cạnh việc duy trì thị phần đối với dòng sản phẩm loại trung hiện tại

Doanh thu và % tăng trưởng của Chậu rửa 2009 - 2011



Kết quả kinh doanh
Lĩnh vực Công nghiệp
Lĩnh vực Bất Động sản
Lĩnh vực Bán lẻ
Quản trị rủi ro

Thái dương năng

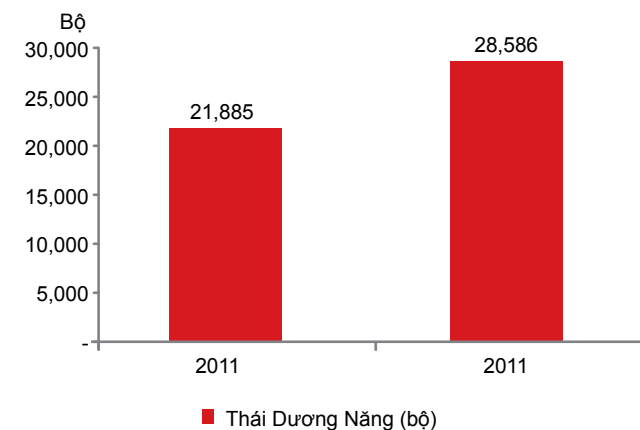


Với lợi thế chi phí thấp và tính thân thiện với môi trường, an toàn cho người sử dụng, Thái Dương Năng đang ngày càng chiếm lĩnh thị phần, với tốc độ tăng trưởng lợi nhuận gộp 38% năm 2011. Năm 2010, doanh thu đạt 155 tỷ đồng tăng 86 tỷ đồng, tỷ suất lợi nhuận là 35% so với mức 29% năm 2010.

Đây là sản phẩm có tốc độ tăng trưởng cao nhất của Sơn Hà trong năm 2011, một phần do tâm lý người tiêu dùng đã bắt đầu thay đổi sử dụng các sản phẩm năng lượng mặt trời và tiết kiệm điện. Mặt khác, chương trình liên kết giữa Sơn Hà và EVN cũng góp phần tăng sản lượng tiêu thụ cho sản phẩm này. Thị phần năm giữ khoảng 50%.

Năm 2012, Sơn Hà mục tiêu duy trì tốc độ tăng trưởng khoảng 20% - 30%, ngoài ra mở rộng thị trường Miền Nam, tăng thị phần nắm giữ tại thị trường này góp phần khẳng định vị trí số 1 Thái Dương năng của Sơn Hà

Sản lượng tiêu thụ Thái Dương Năng 2010 - 2011



Ống thép

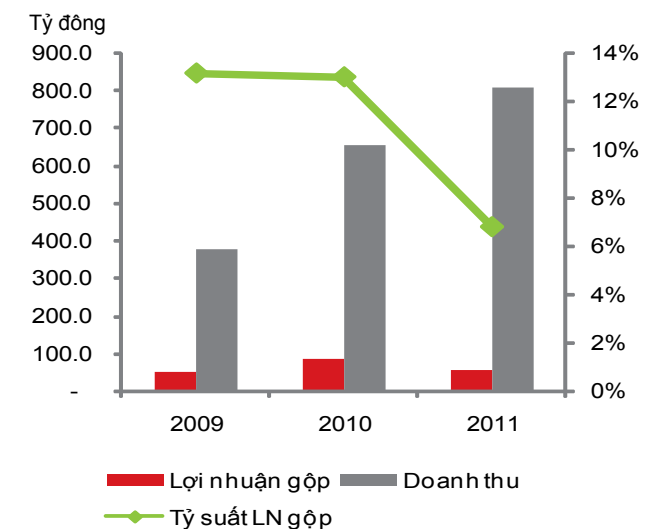


Sản phẩm ống thép không gỉ là sản phẩm chiến lược chủ đạo của Sơn Hà trong lĩnh vực ngành hàng Công nghiệp, chiếm sản lượng xuất khẩu cao nhất so với các doanh nghiệp cùng ngành tại Việt Nam.

Doanh thu đạt 807 tỷ đồng, tăng 153 tỷ đồng. Doanh thu xuất khẩu đạt gần 420 tỷ đồng, tăng hơn 100% so với năm 2010. Sơn Hà vẫn duy trì được vị thế ống thép không gỉ số 1 tại thị trường trong nước và xuất khẩu.

Sản phẩm ống thép được sản xuất trên công nghệ tiên tiến hiện đại với đội ngũ nhân viên giàu kinh nghiệm đạt tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2000 và tiêu chuẩn PED – EU. Tiêu chuẩn PED-EU là một trong số các tiêu chuẩn quan trọng để đảm bảo cho sản phẩm này ra thị trường đặc biệt khó tính như Châu Âu và Mỹ. Cùng với đội ngũ bán hàng chuyên nghiệp, Sơn Hà đang đi sâu vào phát triển thị trường Nam Mỹ và trong nước bên cạnh thị trường xuất khẩu truyền thống là Mỹ.

Doanh thu, lợi nhuận gộp Sản phẩm Ống thép 2009 - 2011



Kết quả kinh doanh
Lĩnh vực Công nghiệp
Lĩnh vực Bất Động sản
Lĩnh vực Bán lẻ
Quản trị rủi ro

Lĩnh vực Bất động sản

CÁC DỰ ÁN BĐS ĐANG ĐẦU TƯ

Cao ốc văn phòng Sông Hồng

Địa chỉ: Tây Hồ Tây, TP. Hà Nội

Tổng diện tích: 2ha

Vốn góp của Sơn Hà 45%

Chủ đầu tư: Tổng công ty Sông Hồng

Chức năng: Khu cao ốc văn phòng

Hiện trạng dự án: Đang trong giai đoạn giải tỏa mặt bằng, đã có quy hoạch 1/500

Dự án Paradise Garden, TP Đà Lạt, Lâm Đồng

Địa chỉ: Đường An Sơn, phường 4, thành phố Đà Lạt.

Tổng diện tích: 38.1 ha.

Vốn góp của Sơn Hà 15-20%

Chủ đầu tư: Tập đoàn Phát triển Nhà và Đô thị-HUD-đại diện liên doanh

Chức năng: Khu nhà ở, biệt thự kết hợp dịch vụ du lịch cao cấp, đồng bộ, hiện đại về hạ tầng cơ sở, với các trung tâm thương mại dịch vụ đầy đủ các dịch vụ công cộng, trung tâm văn hoá, TDTT, vui chơi giải trí.

Hiện trạng dự án: Đang xây dựng cơ sở hạ tầng



Kết quả kinh doanh
Lĩnh vực Công nghiệp
Lĩnh vực Bất Động sản
Lĩnh vực Bán lẻ
Quản trị rủi ro

ĐỊNH HƯỚNG CỦA SƠN HÀ

Nhanh chóng thoái vốn các dự án Bất động sản, tập trung vào các lĩnh vực chính của Sơn Hà được Ban lãnh đạo Sơn Hà cam kết và quyết tâm thực hiện. Mục tiêu trong năm 2012, thoái vốn ít nhất 01 – 02 dự án hiện có.

Khu Đô Thị Kiến Hưng

Địa chỉ: Lê Trọng Tấn, P.Kiến Hưng, Q.Hà Đông, TP. Hà Nội

Tổng diện tích: 47ha

Vốn góp của Sơn Hà 30% (trong đó 15% là vốn ủy thác)

Chủ đầu tư: Tổng CT ĐTP Nhà & Đô Thị, CTCP ĐT PT Hợp Phú và CTCP ĐT Phát Triển Tín Phú

Chức năng: Khu nhà ở đô thị, được đầu tư đồng bộ hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, với tiêu chuẩn đất đai đô thị loại III, hệ thống hạ tầng kỹ thuật lấy theo tiêu chuẩn đô thị loại I.

Hiện trạng dự án: Đang trong giai đoạn cuối đền bù cho người dân, đã có quy hoạch 1/500

Dự án Tây Thăng Long

Địa chỉ: Huyện Phúc Thọ, TP. Hà Nội

Tổng diện tích: 100 ha

Vốn góp của Sơn Hà 45%

Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Tài Nguyên và Năng Lượng Thăng Long

Chức năng: Khu Du lịch sinh thái nghỉ dưỡng

Hiện trạng dự án: Đang hoàn thiện quy hoạch 1/500



Kết quả kinh doanh
Lĩnh vực Công nghiệp
Lĩnh vực Bất Động sản
Lĩnh vực Bán lẻ
Quản trị rủi ro

Lĩnh vực Bán lẻ



ĐỊNH HƯỚNG CỦA SƠN HÀ

Nắm bắt được tầm quan trọng của bán lẻ trong đời sống hàng ngày, cộng với việc đã có những bước đi và định hướng rõ ràng, Sơn Hà đang đẩy mạnh phát triển lĩnh vực Bán lẻ, hướng tới trở thành một tập đoàn hoạt động đa ngành, cung cấp các sản phẩm, dịch vụ tốt nhất, phù hợp nhất với khách hàng trong và ngoài nước.

DỰ ÁN ĐANG TRIỂN KHAI

Bằng việc mua lại cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư & Kinh doanh Thương mại Vinaconex, Sơn Hà chính thức triển khai hoạt động trong lĩnh vực bán lẻ. Ngày 07/03/2012, Sơn Hà đã công bố chiến lược phát triển lĩnh vực này đối với cổ đông và nhà đầu tư với tên gọi Hệ thống Siêu thị Hiway Supercenter.

Với tổng đầu tư ban đầu: 40 triệu USD (trong đó Sơn Hà là cổ đông chính với 75.8% cổ phần), mục tiêu đặt ra là đưa hệ thống bán lẻ Hiway sẽ nhanh chóng đi vào cuộc sống của người tiêu dùng, cam kết với khách hàng về giá rẻ, chất lượng và dịch vụ tốt nhất.

Đặc điểm:

Quy cách quản lý theo tiêu chuẩn hàng đầu thế giới, nhưng các mặt hàng bày bán đa số có nguồn gốc từ Việt Nam.

Hệ thống siêu thị chuẩn hóa: Diện tích mua sắm 3,000 -12,000 m², số lượng 18,000 – 25,000 mặt hàng/siêu thị, chú trọng ngành hàng thực phẩm tươi sống và chế biến sẵn

Tổ hợp vui chơi giải trí tiện ích: Thời trang, Rạp chiếu phim, Âm thực, Nhà sách, Trò chơi.

Nguồn đầu vào: 900 nhà cung cấp lớn.

Phân khúc mục tiêu: Khách hàng bình dân.

Nguồn nhân sự được chọn lọc và gắn bó lâu dài.

Kết quả kinh doanh
Lĩnh vực Công nghiệp
Lĩnh vực Bất Động sản
Lĩnh vực Bán lẻ
Quản trị rủi ro

Dự án nhận được nhiều ý kiến đóng góp từ phía Nhà đầu tư, các chuyên gia tài chính... Theo Ban lãnh Đạo Sơn Hà, hướng đi này không phải là một phương án đối phó với tình thế, chống đỡ khi BĐS lâm vào khó khăn như nhận định của một số Nhà đầu tư khi Sơn Hà công bố chiến lược phát triển lĩnh vực này. Đây là chiến lược đã được ban lãnh đạo tập đoàn dự kiến, chuẩn bị từ 5 năm nay. Doanh nghiệp hiện đã hội tụ đủ những yếu tố từ hạ tầng, công nghệ, nhân lực và tài lực cho phát triển lĩnh vực bán lẻ; lại đón bắt được nhu cầu, đơn đặt hàng phát triển hạ tầng thương mại tiện ích, gần gũi và hiện đại tại các khu đô thị. (theo diễn đàn kinh tế Việt Nam).



Giá rẻ



Sản phẩm chất lượng



Dịch vụ cải tiến



Giá trị cốt lõi

Kết quả kinh doanh
Lĩnh vực Công nghiệp
Lĩnh vực Bất Động sản
Lĩnh vực Bán lẻ
Quản trị rủi ro

Kế hoạch triển khai

2012

Hệ thống 3 siêu thị Hiway Supercenter tại Hà Nội:
- Hà Đông,
- Hoàng Quốc Việt và
- Từ Liêm

2012-2016

Phát triển 20 siêu thị Hiway tại Hà Nội, các tỉnh phía Bắc và các thị trường trọng điểm.

Dự kiến sau 3 năm đi vào hoạt động, Hiway sẽ tăng trưởng từ 5 – 8 % / năm và sẽ nằm trong top 2 siêu thị lớn ở thị trường Hà Nội



Kết quả kinh doanh
Lĩnh vực Công nghiệp
Lĩnh vực Bất Động sản
Lĩnh vực Bán lẻ
Quản trị rủi ro

HIWAY SUPERCENTER Hà Đông

Địa chỉ : 8 Quang Trung, Hà Đông

Diện tích: 12,000 m²

Diện tích bán hàng: 5,000 m²

Thời gian thi công: Quý I/2012

Thời gian khai trương: Quý III/2012

Mô tả sơ bộ: Khu tổ hợp Siêu thị (Tầng 1,2,3); cho thuê mặt bằng kinh doanh tại các tầng từ 3 – 7 như thời trang (tầng3), ẩm thực (tầng 4); rạp chiếu phim (tầng 6 – 7)

Lượt người vào siêu thị: 10,000 – 12,000 người/ ngày



HIWAY SUPERCENTER Từ Liêm

Địa chỉ : KCN Từ Liêm

Diện tích: 9,000 m²

Diện tích bán hàng: 9,000 m²

Thời gian thi công: Quý II/2012

Thời gian khai trương: Quý IV/2012

Lượt người vào siêu thị: 15,000 – 20,000 người/ ngày



HIWAY SUPERCENTER Hoàng Quốc Việt

Địa chỉ : Đường Hoàng Quốc Việt

Diện tích: 3,000 m²

Diện tích bán hàng: 3,000 m²

Thời gian thi công: Quý I/2012

Thời gian khai trương: Quý III/2012

Lượt người vào siêu thị: 8,000 người/ ngày



Kết quả kinh doanh
Lĩnh vực Công nghiệp
Lĩnh vực Bất Động sản
Lĩnh vực Bán lẻ
Quản trị rủi ro

Quản trị rủi ro

Xác định được các điểm mạnh, điểm yếu cũng như cơ hội và thách thức đặt ra cho doanh nghiệp trong thời điểm nền kinh tế còn nhiều khó khăn, với mục tiêu phát huy tối đa các điểm cộng của mình và khắc phục tận gốc các mặt hạn chế, Sơn Hà đang hướng tới mô hình doanh nghiệp phát triển bền vững.

ĐIỂM MẠNH

- Thị phần lớn ở các sản phẩm inox thể mạnh (bồn nước, chậu rửa inox, Thái Dương Năng, ống thép không gỉ).
- Hệ thống phân phối và đại lý rộng khắp cả nước.
- Ban quản trị có trình độ cao và tâm huyết với công ty
- Thương hiệu sản phẩm công nghiệp Sơn Hà uy tín trên thị trường
- Định hướng chiến lược rõ ràng, công cụ thực hiện chiến lược hiện đại, phù hợp.
- Đầu tư công nghệ mới, vì môi trường.

ĐIỂM YẾU

- Đầu tư chưa thực sự hiệu quả một số lĩnh vực như BĐS, đầu tư tài chính
- Phần lớn nguyên vật liệu thép không gỉ phải nhập khẩu từ nước ngoài.
- Chi phí lãi vay của công ty cao, đặc biệt sau khi công ty tham gia vào lĩnh vực siêu thị bán lẻ.
- Đội ngũ nhân sự chưa đáp ứng kịp với quy mô, tăng trưởng và chiến lược mở rộng của Sơn Hà.
- Quy mô công ty vẫn ở mức độ vừa.

CƠ HỘI

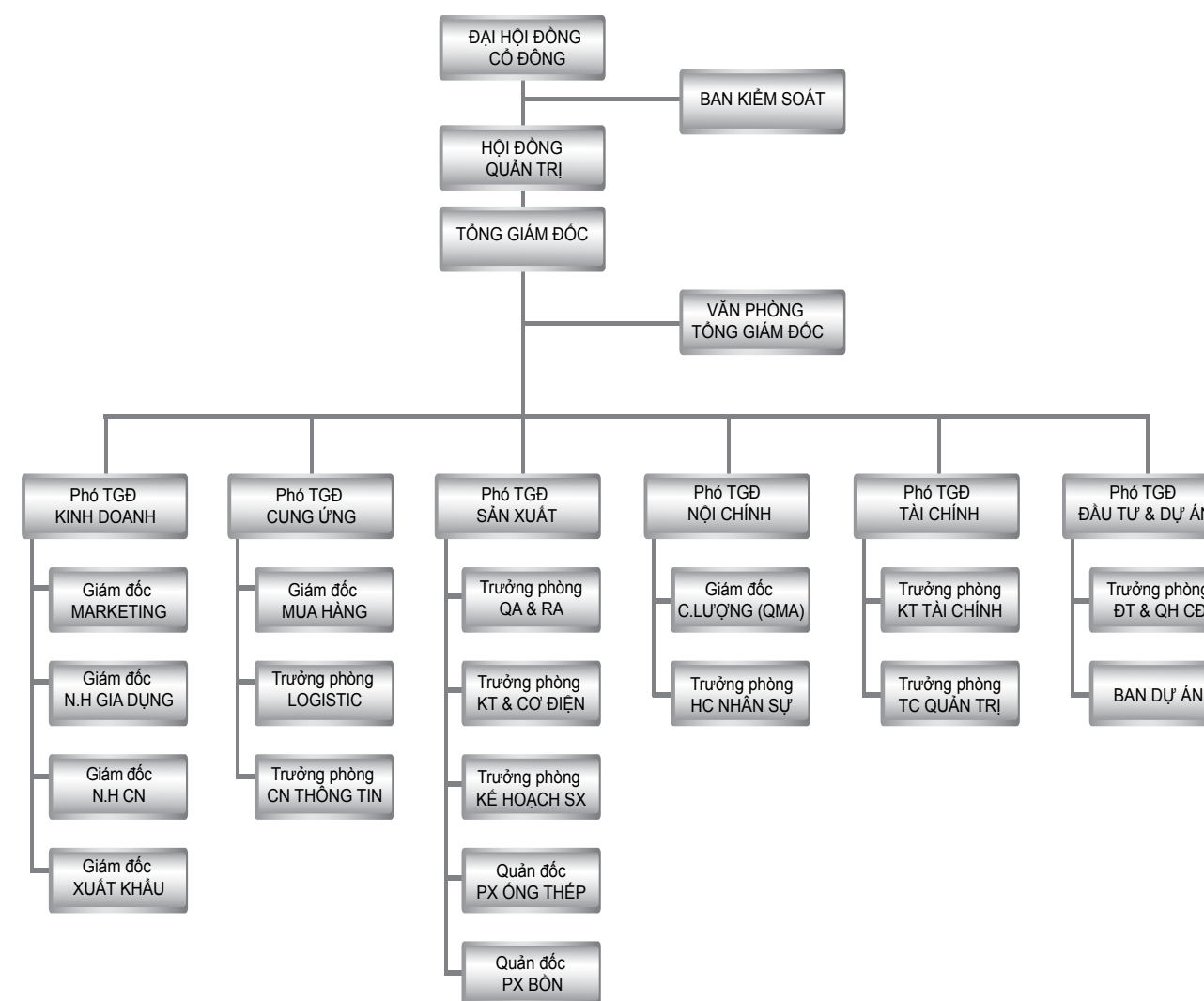
- Mở rộng đầu tư sang lĩnh vực bán lẻ nhiều tiềm năng, khi xu hướng tiêu dùng dần chuyển về các siêu thị, và thu nhập bình quân đầu người năm 2011 tăng lên \$1300.
- Phát triển hệ thống phân phối và thị phần các sản phẩm inox, đặc biệt là bồn nước inox, ở khu vực nông thôn.
- Xuất khẩu thép không gỉ sang thị trường Mỹ và các thị trường tiềm năng
- Thái Dương Năng nhiều tiềm năng phát triển trong năm tới tại thị trường phía Nam, đặc biệt sau khi Sơn Hà hợp tác với Bộ Công Thương và EVN
- Nhu cầu thép không gỉ của thị trường đang ở mức cao hơn so với nguồn cung.

THÁCH THỨC

- Môi trường cạnh tranh trong ngành mạnh mẽ, nguy cơ mất thị phần về tay các doanh nghiệp nước ngoài cao.
- Ống thép Việt Nam bị Hoa Kỳ điều tra chống bán phá giá và chống trợ cấp.
- Nền kinh tế Việt Nam và thế giới còn nhiều khó khăn; lĩnh vực BĐS tiềm ẩn nhiều rủi ro
- Rủi ro về tỉ giá khi Sơn Hà nhập khẩu nguyên liệu và xuất khẩu sản phẩm ra nước ngoài
- Chính sách tiền tệ thắt chặt, lãi suất ngân hàng ở mức cao tiếp tục được thực hiện trong thời gian tới.

Sơ đồ tổ chức
Hội đồng quản trị
Ban Tổng giám đốc
Ban kiểm soát

Sơ đồ tổ chức



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

- Sơ đồ tổ chức
- Hội đồng quản trị
- Ban Tổng giám đốc
- Ban kiểm soát

Hội đồng Quản trị



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

- Sơ đồ tổ chức
- Hội đồng quản trị
- Ban Tổng giám đốc
- Ban kiểm soát



ÔNG LÊ VĨNH SƠN
Chủ tịch

Đồng thời là đồng sáng lập ra Sơn Hà kiêm Tổng Giám đốc công ty trong những năm đầu tiên, ông Sơn được xem là người chèo lái đưa Sơn Hà phát triển mạnh mẽ trong hơn 10 năm qua. Ông Sơn có bằng cử nhân Quản trị kinh doanh. Ông Sơn cũng là chủ tịch HĐQT của Công ty CP Minh Tân, Công ty CP Phát triển Năng lượng Sơn Hà, Công ty CP Bất động sản Sơn Hà và là ủy viên HĐQT Công ty CP Đầu tư Phát triển Đô thị Kiến Hưng và một số công ty khác.



Ông Lê Hoàng Hà
Phó chủ tịch

Ông Hà cũng là đồng sáng lập ra công ty và mới được bổ nhiệm là Tổng Giám đốc từ năm 2010. Ông Hà tốt nghiệp ĐH Kinh tế Quốc dân với chuyên ngành Quản trị kinh doanh. Ông Hà hiện nay cũng là Phó chủ tịch HĐQT Công ty CP Phát triển Năng lượng Sơn Hà, CTCP Bất động sản Sơn Hà, ủy viên HĐQT công ty Sơn Hà Sài Gòn và một số công ty khác.



Ông Nguyễn Công Tạn
Thành viên HĐQT

Ông Tạn trước là Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam và từng giữ chức vụ Phó Thủ tướng Chính phủ nhiệm kỳ 1997-2002. Ông Tạn được biết đến với nhiều đóng góp cho sự nghiệp phát triển nông nghiệp nông thôn của Việt Nam. Ông sinh năm 1935 và là kỹ sư nông nghiệp.



Ông Lê Văn Ngà
Thành viên HĐQT

Ông Ngà là thân sinh ra ông Vĩnh Sơn và ông Hoàng Hà và là đồng sáng lập ra công ty và tham gia quản lý công ty đến năm 2008 trước khi nghỉ hưu. Ông Ngà sinh năm 1949 và là kỹ sư địa chất từ Trường Đại học Mỹ.

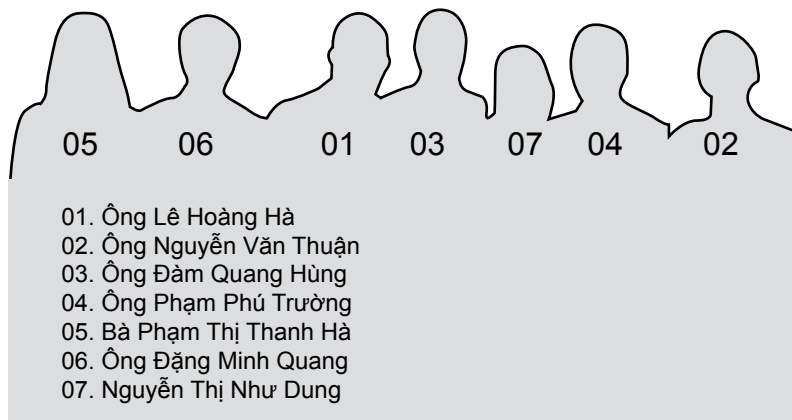


Ông Lê Huy Côn
Thành viên HĐQT

Sinh năm 1939, Ông Côn tốt nghiệp đại học chuyên ngành Quản lý kinh tế. Ông Côn đã từng giữ chức vụ Viện trưởng Viện Nghiên cứu Da giầy thuộc Bộ Công nghiệp, Tổng Giám đốc Tổng Công ty Da giầy Việt Nam và Thứ trưởng Thường trực Bộ Công nghiệp nhiệm kỳ 1990 – 2001. Ông tham gia SHI từ năm 2007 với cương vị Ủy viên HĐQT.

Sơ đồ tổ chức
Hội đồng quản trị
Ban Tổng giám đốc
Ban kiểm soát

Ban Tổng Giám đốc



Thay đổi trong ban TGD ngày 06/04/2011

Thành viên được bổ nhiệm

Ông Phạm Phú Trường
Bà Phạm Thị Thanh Hà

Thành viên miễn nhiệm:

Ông Nguyễn Thành Nhân

Sơ đồ tổ chức
Hội đồng quản trị
Ban Tổng giám đốc
Ban kiểm soát

01

ÔNG LÊ HOÀNG HÀ Phó chủ tịch

Ông Hà cũng là đồng sáng lập ra công ty và mới được bổ nhiệm là Tổng Giám đốc từ năm 2010. Ông Hà tốt nghiệp ĐH Kinh tế Quốc dân với chuyên ngành Quản trị kinh doanh. Ông Hà hiện nay cũng là Phó chủ tịch HĐQT Công ty CP Phát triển Năng lượng Sơn Hà, CTCP Bất động sản Sơn Hà, ủy viên HĐQT công ty Sơn Hà Sài Gòn và một số công ty khác.

02

ÔNG NGUYỄN VĂN THUẬN Phó Tổng giám đốc

Ông Thuận đã từng là giáo viên trường Dạy nghề cơ khí NN I Trung Ương - Vĩnh Phúc năm 1981-1984, công tác tại Công ty Xây lắp 524 Bộ Quốc Phòng 15 năm. Ông tham gia công tác tại Sơn Hà từ năm 2003 và được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó tổng Giám đốc năm 2007. Ông hiện nay cũng là thành viên HĐQT, Phó TGD Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà

03

ÔNG ĐÀM QUANG HÙNG Phó Tổng giám đốc

Sinh năm 1976, Ông Hùng tham gia công tác tại Sơn Hà từ năm 1999. Ông được bổ nhiệm vào chức vụ Phó Tổng Giám đốc phụ trách mảng tài chính và đầu tư năm 2007. Hiện nay, Ông là ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Phát triển năng lượng Sơn Hà.

04

ÔNG PHẠM PHÚ TRƯỜNG Phó Tổng giám đốc

Được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc phụ trách kinh doanh từ ngày 10/04/2011, ông Trường chịu trách nhiệm trước Ban giám đốc và Hội đồng quản trị trong việc quản lý, điều hành hoạt động liên quan đến lĩnh vực kinh doanh của công ty

05

BÀ PHẠM THỊ THANH HÀ Phó Tổng giám đốc

Được bổ nhiệm làm Phó tổng Giám đốc phụ trách tài chính từ ngày 10/04/2011, bà Hà chịu trách nhiệm trước Ban giám đốc và Hội đồng quản trị trong việc quản lý, điều hành hoạt động liên quan đến lĩnh vực tài chính của công ty

06

ÔNG ĐẶNG MINH QUANG Phó Tổng giám đốc

Sinh năm 1974, ông Quang tốt nghiệp Học viện Ngân hàng Hà Nội và nhận bằng Tiến sỹ Quản trị Kinh doanh tại Đại học Nam Úc năm 2004. Ông có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng qua các vị trí công việc tại Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Bảo Việt và nhiều năm làm việc tại nước ngoài. Ông gia nhập Sơn Hà năm 2010 với cương vị Phó Tổng Giám đốc

07

BÀ NGUYỄN THỊ NHƯ DUNG Kế toán trưởng

Bà được bổ nhiệm làm kế toán trưởng năm 2011. Bà Dung có trên 15 năm kinh nghiệm trong ngành tài chính kế toán. Bà từng tham gia đảm nhiệm nhiều vị trí khác nhau tại công ty TNHH Việt Nhật, Cty CP Bánh kẹo Biên Hòa, Công ty CP Châu Mỹ. Bà Dung ra nhập Sơn Hà từ năm 2009.

Sơ đồ tổ chức
Hội đồng quản trị
Ban Tổng giám đốc
Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát



Sơ đồ tổ chức
Hội đồng quản trị
Ban Tổng giám đốc
Ban kiểm soát

01

ÔNG NGUYỄN HUY THƯỜNG
Trưởng Ban Kiểm soát

Ông Thường tốt nghiệp Học viện Ngân hàng Hà Nội và nhận bằng Thạc sỹ Thương mại tại Trường Kinh tế Delhi, Đại học Tổng hợp Delhi (University of Delhi, India) năm 2003. Ông có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng. Ông đã từng đảm nhiệm nhiều vị trí tại Ngân hàng Công Thương Việt Nam, Công ty Chứng khoán Thăng Long, Công ty Chứng khoán Seabank và Công ty Quản lý Quỹ AIC.

02

BÀ TRẦN THỊ THU HẰNG
Thành viên Ban Kiểm soát

Bà Hằng là thành viên Hiệp hội Kế toán Công chứng Anh (ACCA). Bà có hơn 05 kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, từng làm việc tại Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Vietnam. Hiện tại, Bà Hằng đang làm việc tại Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Bông Sen. Bà được bầu là thành viên Ban Kiểm soát tại Đại hội cổ đông 23/4/2011.

03

Ông Nguyễn Văn Tâm
Thành viên Ban Kiểm soát

Ông Tâm có bằng cử nhân chuyên ngành kế toán tài chính. Ông đã từng công tác tại Công ty TNHH Kiểm toán độc lập, Công ty cổ phần CBTP Kinh Đô Miền Bắc, Công ty CP quốc tế Sơn Hà. Hiện tại ông đang giữ chức vụ giám đốc tài chính tại công ty CP Á Long.

Thay đổi trong ban Kiểm Soát (ngày 23/04/2011)

Thành viên được bổ nhiệm:
Bà Trần Thị Thu Hằng

Thành viên miễn nhiệm:
Ông Nguyễn Văn Thành

Sơ đồ tổ chức
Hội đồng quản trị
Ban Tổng giám đốc
Ban kiểm soát

Ban lãnh đạo Sơn Hà với chức năng và nhiệm vụ được giao phó đã và đang nỗ lực chèo lái “con thuyền” Sơn Hà vượt qua khó khăn, thử thách; hướng tới mục tiêu phát triển dài hạn và bền vững cho doanh nghiệp.

Hội đồng quản trị

Trong năm 2011, Sơn Hà không có thay đổi nào trong nhân sự HĐQT Công ty. HĐQT Sơn Hà đã tổ chức 25 cuộc họp hàng quý và cuộc họp bất thường; đã ban hành 6 quyết định về các vấn đề như tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường 2011, miễn nhiệm và bổ nhiệm thành viên Ban giám đốc, thông qua quyết định về mua Cổ phiếu quỹ, đầu tư, v.v...

HĐQT họp theo đúng quy định, kịp thời đưa ra các định hướng để tiết kiệm chi phí, ổn định mảng kinh doanh hiện tại và quyết tâm chuyển hướng chiến lược sang mảng kinh doanh bán lẻ, đồng thời quyết định thoái vốn dần tại mảng bất động sản Cụ thể:

- Quyết định mua 75,8% cổ phần Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Vinaconex.
- Tổ chức thành công Đại hội đồng Cổ đông bất thường vào ngày 19/11/2011. Trong đó có trình và được thông qua việc điều chỉnh kế hoạch kinh doanh, chuyển mục đích sử dụng đất.
- Thực hiện niêm yết bổ sung 1.710.723 cổ phiếu phát hành trả cổ tức đợt 2 năm 2010.
- Thông qua việc miễn nhiệm 01 Phó Tổng Giám đốc và bổ nhiệm 02 Phó Tổng Giám đốc.
- Đã làm hoàn tất thủ tục thường cho Ban Điều hành năm 2010 là 200,000 cổ phần và đã hoàn thành vào ngày 12/3/2012.
- Việc phát hành 100 tỷ đồng trái phiếu chuyển đổi chưa thực hiện được trong năm 2011 do thị trường chưa thuận lợi, mức giá chào mua thấp làm ảnh hưởng tới quyền lợi của cổ đông hiện hữu.
- Thực hiện đầu tư từ nguồn vốn huy động thông qua đợt phát hành, nguồn lợi nhuận để lại, thặng dư vốn cổ phần và các nguồn khác như đầu tư vào Công ty CP Phát triển Năng lượng Sơn Hà, dự án Paradise Garden, góp vốn vào Công ty CP Đầu tư Reenco Sông Hồng, mua lại 75,8% tổng số cổ phần của Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Vinaconex .v.v.

Ban Tổng Giám đốc

Theo nghị quyết HĐQT ngày 06/04/2011, hai thành viên mới được bổ nhiệm vào Ban Tổng giám đốc, trong khi một thành viên miễn nhiệm, đưa nhân sự Ban TGD lên sáu người. Ban Tổng giám đốc có nhiệm vụ điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư và tài chính của Công ty trong năm.

Trong năm qua, Ban TGD Sơn Hà đã rất cố gắng đưa Công ty vượt qua những giai đoạn khó khăn khi giá nguyên vật liệu tăng cao, chi phí lãi vay ngân hàng tăng với lãi suất bình quân trên 20%/năm, mở rộng thị trường xuất khẩu nhằm đối phó với ảnh hưởng của luật chống phá giá của Mỹ đối với ngành thép Việt Nam, và các hệ lụy của nền kinh tế năm 2011.

Một số hoạt động kinh doanh được thực hiện trong năm:

Về hoạt động kinh doanh:

- Thực hiện các chính sách phát triển mạng lưới nhà phân phối: tập hợp thông tin đại lý cấp 2, quản lý tốt công nợ nhà phân phối.
- Cung cấp thông tin về tiêu chuẩn kỹ thuật đối với ống thép công nghiệp, chịu rửa trên trang web, chuẩn hóa maquette tem mẫu.
- Lập báo cáo phân tích đối thủ cạnh tranh trong chiến lược đầu tư chi nhánh, chiến lược giá, bán hàng.
- Tiếp tục phối hợp với Tập đoàn Điện lực Việt Nam –EVN triển khai chương trình quảng bá và sử dụng bình nước nóng năng lượng mặt trời giai đoạn 2011-2015.
- Quảng bá và giới thiệu sản phẩm thông qua việc tham gia triển lãm ở Hà Lan, Đức

Về hoạt động sản xuất:

- Hợp lý hóa quá trình sản xuất, nâng cao các tiêu chuẩn kỹ thuật, cải tiến, nâng cao chất lượng thành phẩm, phụ kiện, quản lý sản phẩm lỗi, hỏng
- Nâng cao năng lực hệ thống xử lý nước thải, chất thải trong quá trình sản xuất
- Phối hợp với kinh doanh để xây dựng kế hoạch sản xuất hợp lý, điều chỉnh định mức tồn kho min-max, thiết lập lại hệ thống quản lý chất lượng; v.v.
- Xây dựng quy trình xử lý nước thải, tiếp nhận công nghệ trạm xử lý nước thải, thu gom và xử lý chất thải công nghiệp.

Sơ đồ tổ chức
Hội đồng quản trị
Ban Tổng giám đốc
Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát

- Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc, với nhiệm vụ Kiểm soát toàn bộ hệ thống tài chính và việc thực hiện các quy chế của công ty. Trong năm 2011, bà Trần Thị Thu Hằng được bầu làm thành viên Ban Kiểm soát theo nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên ngày 23/04/2011.
- Năm 2011, Ban kiểm soát đã kiểm tra tình hình hoạt động, thẩm định báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo riêng theo định kỳ (quý, năm) và nhiều các hoạt động giám sát khác nhằm đảm bảo quyền lợi của các cổ đông.

Thù lao và Tiền thưởng HĐQT, ban TGD và ban Kiểm soát

Năm 2011, thù lao và tiền thưởng cho những nỗ lực phát triển và gắn bó với Sơn Hà của Ban lãnh đạo Công ty là 744 triệu đồng cụ thể:

Bảng thù lao và tiền thưởng

Chỉ tiêu	Bảng tiền (triệu đồng)
Hội đồng quản trị	600
Ban Tổng Giám đốc	na
Ban Kiểm soát	144
Tổng cộng	744

Sơ đồ tổ chức
Hội đồng quản trị
Ban Tổng giám đốc
Ban kiểm soát

Đội ngũ người lao động trẻ, nhiệt huyết, gắn bó với Sơn Hà cam kết đầu tư phát triển và cung cấp một môi trường làm việc an toàn và lành mạnh cho người lao động.



Tổng số cán bộ nhân viên:

910 người

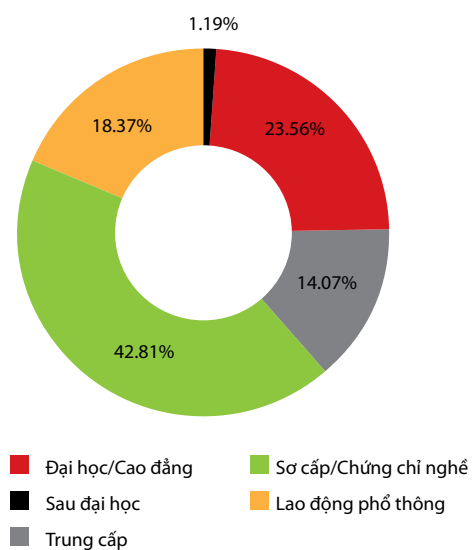
Với 60.44% trên tổng số 910 nhân viên đang làm việc tại Công ty tính đến hết năm 2011 dưới 30 tuổi, Sơn Hà được đánh giá là tổ chức có đội ngũ nhân sự tương đối trẻ, tràn đầy nhiệt huyết. Xét về cơ cấu nhân sự theo trình độ chuyên môn, Sơn Hà có khoảng 25% nhân viên có trình độ Cao đẳng - Đại học trở lên.

Đảm bảo mức thu nhập phù hợp và xứng đáng với thành quả lao động cho người lao động luôn được Ban lãnh đạo Sơn Hà chú trọng quan tâm. Trong năm 2011, thu nhập bình quân của Sơn Hà đạt 3.5 triệu đồng, mặc dù doanh nghiệp còn gặp nhiều khó khăn trong hoạt động kinh doanh nói chung.

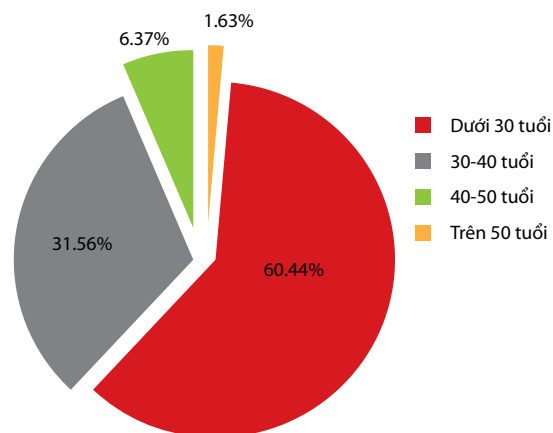
Bên cạnh việc đảm bảo mức thu nhập xứng đáng cho người lao động, Công ty đang nỗ lực phấn đấu xây dựng một văn hóa doanh nghiệp đầy bản sắc mang tên Sơn Hà. Trong đó người lao động được đào tạo nâng cao kỹ năng, kiến thức và năng lực chuyên môn. Một loạt các chương trình đào tạo và các khóa học đã được tổ chức từ cấp độ phân xưởng, nhà máy, đến công ty như Đào tạo chuyên gia đánh giá nội bộ ISO 9001:2008.

Ngoài ra, đời sống tinh thần của người lao động cũng được đặc biệt quan tâm, biến Sơn Hà thành ngôi nhà chung gắn bó và đoàn kết cho toàn thể anh chị em.

Cơ cấu nhân sự theo trình độ chuyên môn



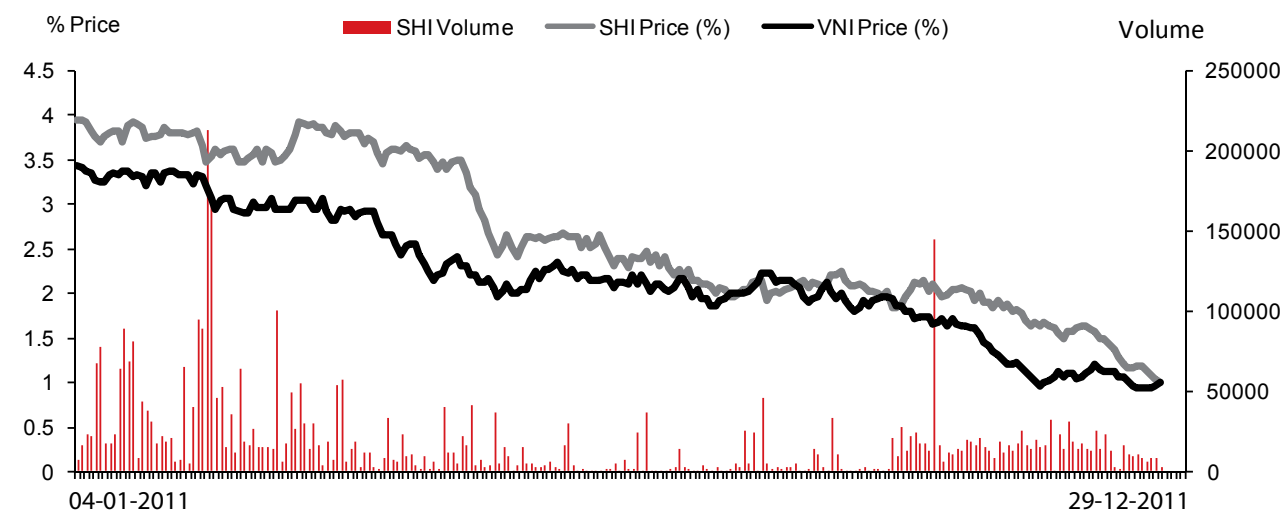
Cơ cấu nhân sự theo độ tuổi



Cổ phiếu SHI và Công tác Quan hệ cổ đông

Cổ phiếu SHI

Cổ phiếu SHI biến động mạnh trong năm 2011. Mức giá giảm từ 17,400 đồng đầu năm 2011 còn 4,600 đồng (tương đương giảm 70%) tại thời điểm 29/12/2011. KLGD trung bình năm khoảng 17,365. SHI được đánh giá là cổ phiếu có tính thanh khoản thấp mặc dù giá cổ phiếu dưới mức sàn tương đối sâu.



Cổ tức và chi trả cổ tức

Trong năm 2011, Sơn Hà đã tiến hành chi trả cổ tức đợt 2 năm 2010 với tỷ lệ 15% (trong đó 8% là chi trả bằng tiền mặt và 7% bằng cổ phiếu) theo cam kết của công ty đối với cổ đông.

Cổ phiếu quỹ

Với mục đích làm gia tăng thu nhập trên một cổ phiếu (EPS) cho cổ đông và tạo sự tin tưởng vào giá trị cổ phiếu của công ty, Sơn Hà đã đăng kí mua lại 500,000 cổ phiếu SHI bên cạnh 559,230 cổ phiếu quỹ công ty nắm giữ trước đó. Thời gian thực hiện giao dịch từ 09/01/2012-07/03/2012. Tính đến thời điểm 20/03/2012, Sơn Hà nắm giữ 716,060 cổ phiếu quỹ.

Tóm tắt giao dịch cổ phiếu SHI	CP
KLGD trung bình 3 tháng	17,580
KLGD trung bình 10 ngày	22,826
GTGD trung bình 3 tháng (triệu đồng)	104.0
Biến động giá:	
+/- 1 tuần qua	-2.82%
+/- 1 tháng qua	+32.69%
+/- 3 tháng qua	-2.82%
+/- 6 tháng qua	-21.59%
+/- từ đầu năm	+43.75%

Giao dịch cổ phiếu quỹ 23/3/2011 - 20/3/2012	
	CP
Dư tại 23/3/2011	559,230
Phát sinh tăng	356,830
Phát sinh giảm	200,000
Dư tại 20/03/2012	716,060

Cơ cấu sở hữu

Tại 20/03/2012, cổ đông nội bộ của Sơn Hà nắm giữ hơn 13.8 triệu cổ phiếu, tương đương 52% sở hữu (bao gồm 03 cổ đông sáng lập và cán bộ nhân viên).

03 Cổ đông lớn là tổ chức nắm giữ hơn 6 triệu cổ phiếu, tương đương khoảng 23%. Trong đó, Công ty CP CK Thăng Long và Ngân hàng Phát triển Nhà Hồ Chí Minh lần lượt nắm 6%, Quỹ Đông Sơn nắm 10.9%. Đây là 3 Cổ đông lớn gắn bó với Sơn Hà ngay từ những ngày đầu cổ phiếu được niêm yết giao dịch trên sàn chứng khoán.

Cổ đông nước ngoài nắm giữ hơn 3.2 triệu cổ phiếu tương đương 12.1%.

Công tác quan hệ cổ đông

Sơn Hà thực hiện tương đối đầy đủ và hiệu quả việc công bố thông tin theo thông tư TT 09 ngày 15/01/2010 về Công bố thông tin. Tuy nhiên trong năm 2011, Sơn Hà có một số vi phạm đã được Sở GDCK Hồ Chí Minh có công văn nhắc nhở:

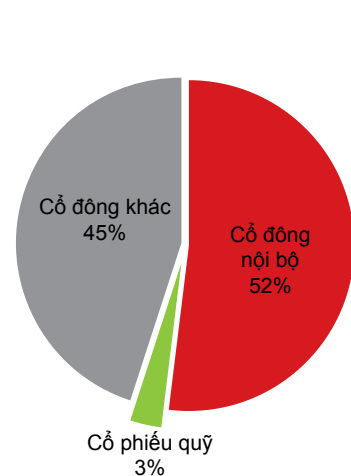
- Công bố thông tin đối với việc mua lại toàn bộ cổ phiếu của Vinaconex tại Vinaconex Plaza
- Khối lượng đặt mua cổ phiếu quỹ ở một số phiên thấp hơn so với quy định.

Cũng trong năm, Sơn Hà đã tổ chức Đại hội Cổ đông thường niên vào tháng 4/2011, và Đại hội Cổ đông bất thường vào tháng 11/2011 để tham vấn ý kiến của cổ đông và các chuyên gia phân tích đối với hoạt động của công ty. Ngoài ra, Sơn Hà cũng đã tiếp xúc với một số nhà đầu tư nước ngoài như Nhật, Đài Loan... nhằm học tập kinh nghiệm và hợp tác phát triển kinh doanh.

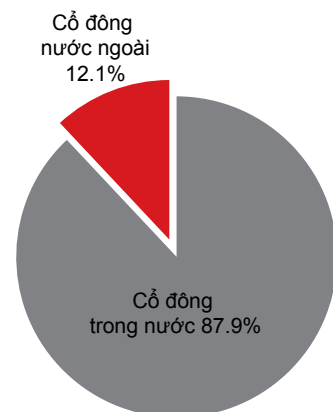
Nhằm công bố minh bạch, nhanh chóng đến cộng đồng đầu tư, Sơn Hà đang nỗ lực cải tiến và xây dựng Ban Quan hệ cổ đông hoạt động hiệu quả hơn nữa trong năm 2012.

Cổ đông lớn và giao dịch của Cổ đông lớn trong năm	23/3/2011		20/3/2012	
	CP	%	CP	%
TÊN CỔ ĐÔNG				
Lê Vĩnh Sơn	5,370,000	21.5%	6,206,702	23.2%
Lê Hoàng Hà	4,500,000	18.0%	4,895,000	18.3%
Lê Văn Ngà	2,400,000	9.6%	2,568,000	9.6%
Lưu Thị Nhâm	1,240,950	4.9%	1,327,816	5.0%
Lotus - Mekong River Equity Fund	2,300,000	9.2%	2,915,352	10.9%
Ngân hàng Phát triển Nhà TP.HCM	1,500,000	6.0%	1,605,000	6.0%
Công ty CP CK Thăng Long	1,500,000	6.0%	1,605,018	6.0%
Tổng	18,810,950	70.3%	21,122,888	79.1%

Cơ cấu Sở hữu tại thời điểm 20/03/2012



Cơ cấu Sở hữu tại thời điểm 20/03/2012



Trách nhiệm với xã hội
Công ty con và công ty liên kết

Trách nhiệm với xã hội

Bên cạnh việc cố gắng mang đến cho người tiêu dùng những sản phẩm với chất lượng tốt nhất, Sơn Hà cũng thể hiện trách nhiệm xã hội của mình thông qua các hoạt động hướng tới cộng đồng.

Hưởng ứng chuỗi hoạt động thiết thực kỷ niệm 64 năm ngày thương binh, liệt sỹ (27/7/1947-27/7/2011), Sơn Hà đã tham gia ủng hộ khám, cấp thuốc miễn phí cho thương, bệnh binh trên địa bàn thành phố Hà Nội, với số tiền 15.000.000 đồng tuy nhỏ nhưng cũng phần nào thể hiện trách nhiệm xã hội lớn lao, là văn hóa mà Sơn Hà đang xây dựng và phát triển.



Bên cạnh đó, Sơn Hà cũng phát động phong trào Hiến máu nhân đạo cho cán bộ, công nhân viên công ty và tham gia ủng hộ nhiều gia đình nghèo các huyện Sóc Sơn, Đan Phượng, Phúc Thọ qua các hình thức trao tặng sổ tiết kiệm và các phần quà có giá trị.



Công ty con và công ty liên kết



1. Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Vinaconex

Địa chỉ : Số 8, đường Quang Trung, Phường Quang Trung, thành phố Hà Đông, Hà Nội

Ngành nghề kinh doanh: Bán buôn, bán lẻ, cho thuê mặt bằng kinh doanh.

Vốn điều lệ: 60 tỷ đồng

Tỷ lệ nắm giữ: 75.8% vốn điều lệ.



2. Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn

Địa chỉ: 292/5, Ấp Tam Đông 2, xã Thới Tam Thôn, huyện Hoắc Môn, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Ngành nghề kinh doanh: gia công, sản xuất kim loại, bể, thùng, rèm, cán, dập, ép kim loại.

Vốn điều lệ: 80 tỷ đồng

Tỷ lệ nắm giữ: 51% vốn điều lệ.



3. Công ty Đầu tư Tài nguyên Năng lượng Thăng Long

Địa chỉ: Lô số 2 CN1, cụm công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Ngành nghề kinh doanh chính: Đầu tư xây dựng các khu du lịch sinh thái, khu đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp

Vốn điều lệ: 20 tỷ đồng

Tỷ lệ nắm giữ: 45% vốn điều lệ



4. Công ty Cổ phần Năng lượng Sơn Hà

Địa chỉ: Lô số 2- CN1 Cụm công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, xã Minh Khai, huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất kinh doanh, khai thác các thiết bị năng lượng mới, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo. Kinh doanh vật tư, thiết bị, máy móc phục vụ ngành năng lượng mới, điện, thông tin liên lạc, viễn thông và các ngành công nghiệp khác. Sản xuất, kinh doanh sản phẩm Máy nước nóng năng lượng mặt trời Thái Dương Năng.

Vốn điều lệ: 20 tỷ đồng

Tỷ lệ nắm giữ: 48.41% vốn điều lệ

Trách nhiệm với xã hội
Công ty con và công ty liên kết



5. Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Kiến Hưng

Địa chỉ: Số B14-TT 18 Khu Đô thị mới Văn Quán, Phường Phúc La, Hà Đông, Hà Nội

Ngành nghề kinh doanh chính: Kinh doanh các dự án Bất động sản

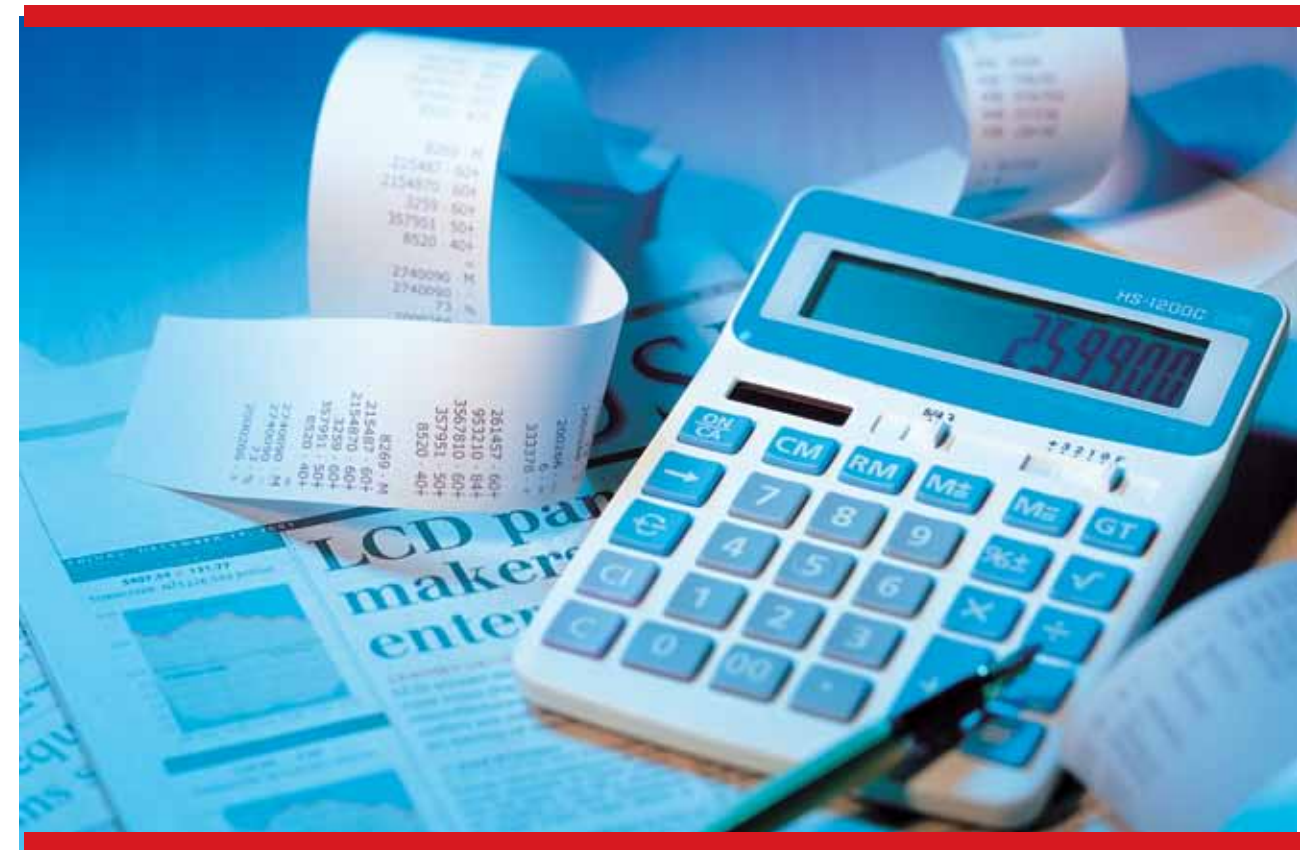
Vốn điều lệ: 50 tỷ đồng

Tỷ lệ nắm giữ: 15% vốn điều lệ

Một số chỉ tiêu tài chính của Công ty con & Công ty liên kết							
Đơn vị: Tỷ đồng	Doanh thu thuần			Lợi nhuận sau thuế			Cổ tức dự kiến trả 2011(đồng)
	Năm 2011	Năm 2010	% tăng trưởng	Năm 2011	Năm 2010	% tăng trưởng	
Công ty CP PTNL Sơn Hà	116	68	69%	1	2	-51%	
Công ty CP Sơn Hà Sài Gòn	343	4	9382%	9	0	9392%	960
Công ty ĐT TN và NL Thăng Long	-			(1)	(0)	135%	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Vinaconex	29	28	2%	0	(1)	-146%	
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Kiến Hưng	-	0		-	-		

Báo cáo của Ban giám đốc
Báo cáo kiểm toán
Bảng cân đối kế toán hợp nhất
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
Thuyết minh Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất



Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
Báo cáo kiểm toán
Báo cáo cân đối kế toán hợp nhất
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà (Công ty mẹ) và các Công ty con.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà tiền thân là Công ty TNHH Cơ Kim khí Sơn Hà, doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 070376 ngày 23 tháng 11 năm 1998 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Công ty chuyển đổi sang mô hình Công ty Cổ phần từ ngày 30 tháng 10 năm 2007 và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103020425 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp cùng ngày.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 04 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh để phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty, trong đó lần đăng ký thay đổi thứ tư ngày 05 tháng 01 năm 2011.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 250 tỷ VND

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Ông Lê Vinh Sơn	53.360.000.000	21
Ông Lê Hoàng Hà	45.000.000.000	18
Ông Lê Văn Ngà	24.000.000.000	10
Cổ đông khác	127.640.000.000	51
Cộng	250.000.000.000	100

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Lô 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, xã Minh Khai, huyện Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại : (04) 37 65 44 19

Fax : (04) 37 65 80 84

E-mail : sonhaco@netnam.vn

Mã số thuế : 0 1 0 0 7 7 6 4 4 5 - 1

Đơn vị trực thuộc:

Chi nhánh Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà tại TP Hồ Chí Minh

Địa chỉ : Lô III3A, đường 1, Khu công nghiệp TânBình, Quận Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh

Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất các sản phẩm cơ khí tiêu dùng;
- Sản xuất, gia công, lắp ráp và kinh doanh các sản phẩm

điện, điện tử, đồ điện gia dụng;

- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;
- Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ;
- Sản xuất gỗ nội thất (bàn ghế, tủ, tủ bếp);
- Cắt, tạo dáng và hoàn thiện đá;
- Sản xuất và mua bán các sản phẩm được chế tạo từ vật liệu Composite;
- Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch, kinh doanh khách sạn, nhà hàng, khu vui chơi giải trí, khu du lịch, thể thao văn hóa (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông;
- Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng, sơn xây dựng dân dụng, công nghiệp, bột bả trong xây dựng dân dụng;
- Khai thác, sản xuất, mua bán, chế biến sản phẩm đá tự nhiên, đá dùng trong xây dựng;
- Sản xuất và mua bán các sản phẩm năng lượng mới như: năng lượng mặt trời; năng lượng gió;
- Sản xuất và mua bán ống thép các loại;
- Sản xuất và mua bán các loại thiết bị lọc nước;
- Luyện kim, đúc thép, cán kéo thép;
- Dịch vụ vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách du lịch bằng xe ô tô; Đại lý giao nhận và đại lý vận tải hàng hóa;
- Kinh doanh bất động sản;
- Khai thác, vận hành và các dịch vụ phục vụ tòa nhà, khu chung cư, công trình dân dụng, công nghiệp; Các dịch vụ cho nhà ở và văn phòng làm việc;
- Khai thác và chế biến khoáng sản (trừ lại khoáng sản Nhà nước cấm);
- Kinh doanh các sản phẩm thiết bị nhà bếp;
- Bán buôn phân bón;
- Giáo dục mầm non; Giáo dục tiểu học; Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông; Giáo dục nghề nghiệp; Dạy nghề cơ khí, điện, điện tử, điện lạnh, ngoại ngữ, tin học (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)/.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
Báo cáo kiểm toán
Báo cáo cân đối kế toán hợp nhất
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Giấy phép thành lập	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	210 lô B, chung cư Sơn Kỳ, đường CC2, phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh	Số 0307526635 ngày 26 tháng 12 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp	51%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Vinaconex	Số 8, đường Quang Trung, Phường Quang Trung, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	Số 0500563586 ngày 14 tháng 6 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp	75,79%

Những sự kiện ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn trong năm

Trong năm, Công ty đã mua lại phần vốn góp của Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam - Vinaconex tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Vinaconex và của một số cổ đông khác với số lượng cổ phần là 4.547.647 cổ phần chiếm 75,79% vốn điều lệ và Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh thương mại Vinaconex trở thành công ty con của Công ty.

Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn đã hoàn thành công tác đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm máy móc thiết bị cho nhà xưởng ở Hóc Môn.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 49). Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2011 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lê Hoàng Hà	Tổng Giám đốc	01 tháng 6 năm 2010	
Ông Đàm Quang Hùng	Phó Tổng Giám đốc	30 tháng 10 năm 2007	
Ông Nguyễn Văn Thuận	Phó Tổng Giám đốc	30 tháng 10 năm 2007	
Ông Nguyễn Thành Nhân	Phó Tổng Giám đốc	18 tháng 6 năm 2008	27 tháng 12 năm 2011
Ông Đặng Minh Quang	Phó Tổng giám đốc	01 tháng 6 năm 2010	
Bà Phạm Thị Thanh Hà	Phó Tổng giám đốc	06 tháng 4 năm 2011	
Ông Phạm Phú Trường	Phó Tổng giám đốc	06 tháng 4 năm 2011	

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Lê Vĩnh Sơn	Chủ tịch
Ông Lê Hoàng Hà	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Công Tạn	Thành viên
Ông Lê Văn Ngà	Thành viên
Ông Lê Huy Côn	Thành viên

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Huy Thường	Trưởng ban
Bà Trần Thị Thu Hằng	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Tâm	Thành viên

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
Báo cáo kiểm toán
Báo cáo cân đối kế toán hợp nhất
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

Xác nhận của Ban Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty mẹ và các Công ty con trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Công ty phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty mẹ và các Công ty con và Báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty Công ty mẹ và các Công ty con và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà và các Công ty con tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ngày 30 tháng 3 năm 2012.

**Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,
Tổng Giám đốc**



Lê Hoàng Hà

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
Báo cáo kiểm toán
Báo cáo cân đối kế toán hợp nhất
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Số: 149/2012/BCTC-KTTV-KT3

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về báo cáo tài chính hợp nhất năm 2011 của công ty Cổ phần quốc tế Sơn Hà

Kính gửi: Các cổ đông, hội đồng quản trị và ban tổng giám đốc Công ty Cổ phần quốc tế Sơn Hà

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2011 của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà và các Công ty con gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 30 tháng 3 năm 2012, từ trang 7 đến trang 49 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thủ nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán

được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã điều chỉnh theo ý kiến của kiểm toán viên đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà và các Công ty con tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc Báo cáo tài chính về việc số vốn thực góp của các cổ đông tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2011 đang lớn hơn vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (xem thuyết minh V.28 - trang 38).

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2012.

Phó Giám đốc**Nguyễn Thị Tư**

Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0059/KTV

Kiểm toán viên**Bùi Hoàng Phương**

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1441/KTV

Bảo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Bảo cáo kiểm toán

Bảo cáo cân đối kế toán hợp nhất

Bảo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Bảo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		878.527.886.758	805.691.559.511
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	59.926.054.161	85.311.739.324
1. Tiền	111		15.868.054.161	45.311.739.324
2. Các khoản tương đương tiền	112		44.058.000.000	40.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		10.387.880.000	39.855.378.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	26.385.589.786	40.189.858.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(15.997.709.786)	(334.480.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		350.423.116.905	335.381.862.552
1. Phải thu khách hàng	131		338.540.931.743	279.740.163.135
2. Trả trước cho người bán	132		8.433.040.879	48.450.072.960
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	4.855.589.421	7.222.159.157
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.5	(1.406.445.138)	(30.532.700)
IV. Hàng tồn kho	140		354.578.997.874	268.717.827.233
1. Hàng tồn kho	141	V.6	354.719.585.539	268.717.827.233
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(140.587.665)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		103.211.837.818	76.424.752.402
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	2.642.183.595	2.180.294.914
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.699.993.447	17.059.004.791
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.8	966.111.714	123.146.142
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	96.903.549.062	57.062.306.555

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

 Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
 Báo cáo kiểm toán
 Báo cáo cân đối kế toán hợp nhất
 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		588.643.437.436	305.502.334.570
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		415.021.451.682	267.693.813.669
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	327.687.977.788	197.471.885.701
<i>Nguyên giá</i>	222		446.084.864.054	275.625.161.489
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(118.396.886.266)	(78.153.275.788)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	6.599.023.627	5.332.850.947
<i>Nguyên giá</i>	225		8.350.827.544	6.293.514.270
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(1.751.803.917)	(960.663.323)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	49.409.912.258	16.920.398.771
<i>Nguyên giá</i>	228		52.478.891.948	18.819.898.183
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(3.068.979.690)	(1.899.499.412)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	31.324.538.009	47.968.678.250
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		91.292.563.595	31.020.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.14	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.15	37.882.563.595	15.000.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.16	53.410.000.000	16.020.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		7.749.408.029	6.788.520.901
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.17	7.071.090.665	6.334.484.126
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.18	453.317.364	309.036.775
3. Tài sản dài hạn khác	268		225.000.000	145.000.000
VI. Lợi thế thương mại	269	V.19	74.580.014.130	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.467.171.324.194	1.111.193.894.081

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.043.670.369.854	678.298.085.034
I. Nợ ngắn hạn	310		908.528.725.926	526.345.128.464
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.20	771.740.350.948	389.427.471.597
2. Phải trả người bán	312		100.814.915.516	90.465.271.493
3. Người mua trả tiền trước	313		1.034.229.691	176.049.110
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.21	11.589.590.236	19.758.241.943
5. Phải trả người lao động	315		5.408.537.957	4.910.290.727
6. Chi phí phải trả	316	V.22	11.519.103.425	9.148.045.864
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.23	1.723.296.779	12.071.248.803
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.24	4.698.701.374	388.508.927
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		135.141.643.928	151.952.956.570
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.25	14.406.625.000	1.163.825.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.26	86.829.766.579	150.526.727.858
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		306.475.632	262.403.712
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.27	33.598.776.717	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		371.601.085.608	392.694.395.886
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.28	371.601.085.608	392.694.395.886
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		267.107.230.000	250.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		69.047.988.652	69.047.988.652
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(9.976.769.000)	(2.446.724.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		1.062.518.382	4.811.480.609
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		4.191.115.097	1.425.236.659
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.095.557.549	712.618.330
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		38.073.444.928	69.143.795.636

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
 Báo cáo kiểm toán
 Báo cáo cân đối kế toán hợp nhất
 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)				
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
C - LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	V.29	51.899.868.732	40.201.413.161
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.467.171.324.194	1.111.193.894.081

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT			
CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		15.045,61	160.056,71
		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Lập, ngày 30 tháng 03 năm 2012

Người lập biểu

Nguyễn Thị Quỳnh

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Như Dung

Tổng Giám đốc



Lê Hoàng Hà

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
Báo cáo kiểm toán
Báo cáo cân đối kế toán hợp nhất
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.958.865.149.087	1.452.135.895.606
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	2.537.907.290	346.478.317
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.956.327.241.797	1.451.789.417.289
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.692.584.737.602	1.197.884.248.841
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		263.742.504.195	253.905.168.448
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	18.158.725.150	29.335.927.358
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	156.100.226.058	95.345.913.133
Trong đó: chi phí lãi vay	23		113.085.119.060	65.698.487.777
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	59.156.844.078	69.565.089.977
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	40.465.825.823	26.780.816.076
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		26.178.333.386	91.549.276.620
11. Thu nhập khác	31	VI.7	11.587.407.353	35.299.026.931
12. Chi phí khác	32	VI.8	10.465.269.891	5.089.858.415
13. Lợi nhuận khác	40		1.122.137.462	30.209.168.516
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		(569.436.405)	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		26.731.034.443	121.758.445.136
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.21	8.075.557.638	31.731.541.819
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(144.280.589)	(211.470.800)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		18.799.757.394	90.238.374.117
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		4.308.627.998	21.091.413.161
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		14.491.129.396	69.146.960.956
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	586	3.518

Lập, ngày 30 tháng 03 năm 2012

Người lập biểu

Nguyễn Thị Quỳnh

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Như Dung

Tổng Giám đốc



Lê Hoàng Hà

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		26.731.034.443	121.758.445.136
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		28.624.975.909	25.657.437.032
- Các khoản dự phòng	03	VI.4	17.179.729.889	365.012.700
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		765.018.088	472.405.307
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(6.164.649.496)	(22.869.966.329)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	113.085.119.060	65.698.487.777
- Lãi do đánh giá tăng tài sản				(29.036.617.508)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		180.221.227.893	162.045.204.115
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(188.555.919.611)	(137.731.045.052)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(82.879.313.202)	(92.895.111.222)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		23.799.613.056	52.525.228.872
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.004.512.971)	(2.285.540.260)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(111.058.541.697)	(56.690.257.563)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.21	(22.059.973.026)	(22.671.545.451)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		6.451.311.868	98.262.376
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(4.285.339.433)	(4.898.766.806)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(199.371.447.123)	(102.503.570.990)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(74.896.440.189)	(48.586.571.958)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		10.684.613.212	3.467.346.303
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(51.000.000.000)	(9.700.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		45.700.000.000	13.700.000.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(45.842.000.000)	(16.500.800.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	40.604.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.168.447.474	8.818.684.972
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(112.185.379.503)	(8.197.340.683)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	162.709.488.652
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(7.530.045.000)	(2.446.724.000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1.516.349.864.862	1.168.884.344.841
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.202.470.852.855)	(1.111.748.336.518)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(629.000.000)	(2.721.000.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(19.553.925.000)	(45.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		286.166.042.007	169.677.772.975
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(25.390.784.619)	58.976.861.302
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	85.311.739.324	26.426.038.195
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		5.099.456	(91.160.172)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	59.926.054.161	85.311.739.325

Lập, ngày 30 tháng 03 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Quỳnh

Nguyễn Thị Như Dung

Lê Hoàng Hà

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
Báo cáo kiểm toán
Báo cáo cân đối kế toán hợp nhất
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn (Công ty mẹ) và các Công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

- 1. Hình thức sở hữu vốn của công ty mẹ** : Công ty cổ phần
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến, dịch vụ, thương mại
- 3. Hoạt động kinh doanh chính trong năm** : Sản xuất các sản phẩm cơ khí tiêu dùng và công nghiệp như bồn chứa nước, chậu rửa và bình năng lượng Thái Dương năng, ống công nghiệp, ống trang trí.
- 4. Tổng số các Công ty con:** 02

Trong đó:

- Số lượng các công ty con được hợp nhất : 02
- Số lượng các công ty con không được hợp nhất : 0

5. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	210 lô B, chung cư Sơn Kỳ, đường CC2, phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh	51%	51%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Vinaconex	Số 8, đường Quang Trung, Phường Quang Trung, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	75,79%	75,79%

6. Danh sách các công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ phần lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Kiến Hưng	B14-TT18 Khu đô thị mới Văn Quán, Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	30%	30%
Công ty Cổ phần Năng lượng Sơn Hà	Lô số 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội	48,41%	48,41%
Công ty Đầu tư Tài nguyên Năng lượng Thăng Long	Lô 2 CN1 cụm Công nghiệp nhỏ và vừa Từ Liêm, xã Minh Khai, huyện Từ Liêm, Hà Nội	45%	45%

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
Báo cáo kiểm toán
Báo cáo cân đối kế toán hợp nhất
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

7. Những sự kiện ảnh hưởng quan trọng đến đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn trong năm

Trong năm, Công ty đã mua lại phần vốn góp của Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam - Vinaconex tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Vinaconex và của một số cổ đông khác với số lượng cổ phần là 4.547.647 cổ phần chiếm 75,79% vốn điều lệ và Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh thương mại Vinaconex trở thành công ty con của Công ty.

Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn đã hoàn thành công tác đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm máy móc thiết bị cho nhà xưởng ở Hóc Môn.

8. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 Công ty có 910 nhân viên đang làm việc tại (cuối năm trước là 825 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà (Công ty mẹ) và các Công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nằm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
Báo cáo kiểm toán
Báo cáo cân đối kế toán hợp nhất
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

4. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu chi phí đầu tư thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua. Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua so với phần lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết tại ngày mua. Lợi thế thương mại được ghi nhận là tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Khi bán công ty con, công ty liên kết giá trị còn lại của của lợi thế thương mại liên quan đến các đơn vị này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

6. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu

tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

8. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 42
Máy móc và thiết bị	03 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 07

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
Báo cáo kiểm toán
Báo cáo cân đối kế toán hợp nhất
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính được công bố tại thuyết minh số IV.9.

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời gian giao đất.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

12. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

13. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

14. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí xây dựng các showroom, Chi phí sửa chữa tài sản

Được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sử dụng cơ sở hạ tầng, tư vấn bảo lãnh phát hành trái phiếu

Chi phí sử dụng cơ sở hạ tầng, chi phí tư vấn bảo lãnh phát hành trái phiếu được phân bổ theo thời hạn quy định trên hợp đồng thuê tài sản và thời hạn phát hành trái phiếu.

15. Nguồn vốn kinh doanh

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

16. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

17. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
Báo cáo kiểm toán
Báo cáo cân đối kế toán hợp nhất
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

19. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm. Việc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối năm của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản nợ phải thu, phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) và được ghi bút toán ngược lại để xoá số dư vào đầu năm sau.
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải thu, phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm. Nếu việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái của các khoản nợ phải trả dài hạn làm cho kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ thì một phần chênh lệch tỷ giá được phân bổ cho năm sau để Công ty không bị lỗ nhưng khoản lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được phân bổ vào chi phí cho các năm sau với thời gian tối đa không quá 5 năm.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày:

31/12/2010	:	18.932 VND/USD
31/12/2011	:	20.828 VND/USD

20. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

21. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
Báo cáo kiểm toán
Báo cáo cân đối kế toán hợp nhất
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

22. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ

các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

24. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.2.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
 Báo cáo kiểm toán
 Báo cáo cân đối kế toán hợp nhất
 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.838.458.446	1.322.904.842
Tiền gửi ngân hàng	13.443.960.715	43.988.834.482
Tiền đang chuyển	585.635.000	
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống)	44.058.000.000	40.000.000.000
Cộng	59.926.054.161	85.311.739.324

2. Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn		26.385.589.786		30.489.858.000
- DZM			70.300	1.736.410.000
- HSG	110.000	2.178.000.000	119.150	2.359.170.000
- HUT	98.000	1.967.358.845	90.000	1.800.000.000
- KDC			20.400	1.030.200.000
- OGC	12.000	245.000.000	20.000	490.000.000
- PET	217.290	3.954.678.000	217.290	3.954.678.000
- PVX	612.000	12.824.352.941	612.000	12.866.400.000
- TBC	44.500	605.200.000	130.000	1.768.000.000
- VND	230.000	4.485.000.000	230.000	4.485.000.000
- HPC	12.000	126.000.000		
Đầu tư ngắn hạn khác				9.700.000.000
Cho Công ty Cổ phần Minh Ngọc vay với lãi suất 17%/năm				6.700.000.000
Cho Công ty Cổ phần Năng lượng Sơn Hà vay với lãi suất 17%/năm				3.000.000.000
Cộng		26.385.589.786		40.189.858.000

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
Báo cáo kiểm toán
Báo cáo cân đối kế toán hợp nhất
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn là dự phòng giảm giá các cổ phiếu, tình hình biến động như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số đầu năm	334.480.000	
Trích lập dự phòng bổ sung	15.663.229.786	334.480.000
Hoàn nhập dự phòng		
Số cuối năm	15.997.709.786	334.480.000

4. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu lãi tiền cho vay	2.384.388.887	4.266.000.000
Phải thu các khoản cho vay không tính lãi	115.034.000	100.913.889
Công ty Cổ phần Hợp Phú - Phần còn lại của hợp đồng đầu tư đã thanh lý		2.000.000.000
Thuế GTGT của TSCĐ thuê tài chính	197.592.746	109.498.333
Thuế VAT hàng về chưa có hóa đơn		410.670.183
Các công ty Điện lực EVN - tiền hỗ trợ lắp đặt thái dương năng	1.535.000.000	
Các khoản phải thu khác	623.573.788	335.076.752
Cộng	4.855.589.421	7.222.159.157

5. Dự phòng nợ phải thu khó đòi

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	(1.406.445.138)	
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm	(1.158.529.438)	
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	(47.915.700)	
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	(200.000.000)	
Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi		
Cộng	(1.406.445.138)	

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng mua đang đi trên đường	32.431.074.033	49.611.671.016
Nguyên liệu, vật liệu	170.939.879.256	114.621.065.817
Công cụ, dụng cụ	5.252.944.520	6.082.680.731
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang		11.427.650
Thành phẩm	120.143.403.085	75.346.564.326
Hàng hóa	25.705.996.023	22.842.538.212
Hàng gửi đi bán	215.204.965	201.879.481
Cộng	354.719.585.539	268.717.827.233

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
Báo cáo kiểm toán
Báo cáo cân đối kế toán hợp nhất
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	302.198.272	215.213.440
Chi phí lắp biển quảng cáo	901.779.581	451.921.660
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.157.441.847	1.087.744.145
Chi phí khác	280.763.895	425.415.669
Cộng	2.642.183.595	2.180.294.914

8. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

Là thuế Thu nhập doanh nghiệp nộp thừa.

9. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	92.390.383.158	47.665.745.629
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4.495.752.334	9.396.560.926
Tài sản thiếu chờ xử lý	17.413.570	
Cộng	96.903.549.062	57.062.306.555

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	65.353.072.715	162.744.304.132	41.902.734.669	5.625.049.973	275.625.161.489
Mua trong năm	5.307.906.045	17.356.878.979	1.728.487.272	1.846.144.858	26.239.417.154
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	24.753.849.971	9.503.423.271	-	-	34.257.273.242
Tăng do hợp nhất kinh doanh	97.033.209.051	16.743.948.985	6.490.399.420	398.732.673	120.666.290.129
Thanh lý, nhượng bán		(8.118.677.836)	(1.858.933.457)	(725.666.667)	(10.703.277.960)
Số cuối năm	192.448.037.782	198.229.877.531	48.262.687.904	7.144.260.837	446.084.864.054
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	138.272.367	14.835.068.242	1.474.091.234	873.674.745	17.321.106.588
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	5.833.860.200	61.441.063.619	9.211.138.231	1.667.213.738	78.153.275.788
Khấu hao trong năm	1.953.396.126	19.076.711.925	4.301.314.073	980.086.370	26.311.508.494
Tăng do hợp nhất kinh doanh	7.667.500.110	6.893.438.997	2.581.541.475	292.746.057	17.435.226.639
Thanh lý, nhượng bán	(2.258.596.990)	-	(1.244.527.665)	-	(3.503.124.655)
Số cuối năm	13.196.159.446	87.411.214.541	14.849.466.114	2.940.046.165	118.396.886.266
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	59.519.212.515	101.303.240.513	32.691.596.438	3.957.836.235	197.471.885.701
Số cuối năm	179.251.878.336	118.505.791.057	33.437.096.580	4.929.881.339	327.687.977.788

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 90.677.270.686 VND và 72.436.374.500 đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay dài hạn của Ngân hàng.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
Báo cáo kiểm toán
Báo cáo cân đối kế toán hợp nhất
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

11. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	6.293.514.270		6.293.514.270
Thuê tài chính trong năm		2.057.313.274	2.057.313.274
Số cuối năm	6.293.514.270	2.057.313.274	8.350.827.544
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	960.663.323		960.663.323
Khấu hao trong năm	671.130.648	120.009.946	791.140.594
Số cuối năm	1.631.793.971	120.009.946	1.751.803.917
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	5.332.850.947		5.332.850.947
Số cuối năm	4.661.720.299	1.937.303.328	6.599.023.627

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	16.702.915.670	2.116.982.513	18.819.898.183
Mua trong năm (*)	36.756.600.444		36.756.600.444
Tăng do hợp nhất kinh doanh		25.500.000	25.500.000
Giảm trong năm	(3.123.106.679)		(3.123.106.679)
Số cuối năm	50.336.409.435	2.142.482.513	52.478.891.948
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	1.179.769.637	719.729.775	1.899.499.412
Khấu hao trong năm	1.087.988.645	434.338.176	1.522.326.821
Tăng do hợp nhất kinh doanh		25.500.000	25.500.000
Giảm do thanh lý, nhượng bán	(378.346.543)		(378.346.543)
Số cuối năm	1.889.411.739	1.179.567.951	3.068.979.690
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	15.523.146.033	1.397.252.738	16.920.398.771
Số cuối năm	48.446.997.696	962.914.562	49.409.912.258

(*) Quyền sử dụng đất 7.064,7 m² tại xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vẫn đăng ký theo tên cũ là Công ty TNHH một thành viên công nghiệp Sơn Hà, chưa được chuyển sang Công ty cổ phần Sơn Hà Sài Gòn

Quyền sử dụng đất này đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
Báo cáo kiểm toán
Báo cáo cân đối kế toán hợp nhất
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Tăng do hợp nhất kinh doanh	Kết chuyển vào tài sản cố định trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm TSCĐ		1.082.203.528	1.722.237.634			2.804.441.162
Siêu thị Vinaconex Plaza			3.424.596.847			3.424.596.847
Quyền sử dụng đất tại Hóc Môn (*)		25.055.000.000				25.055.000.000
Nhà máy Sơn Hà tại Hóc Môn	47.968.678.250	23.969.188.173		71.013.873.686	923.992.737	
Sửa chữa tài sản		40.500.000				40.500.000
Cộng	47.968.678.250	50.146.891.701	5.146.834.481	71.013.873.686	923.992.737	31.324.538.009

(*) Quyền sử dụng đất 5.786,5 m² tại xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh. Hiện Công ty đang hoàn tất các thủ tục pháp lý để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

14. Đầu tư vào công ty con

Tên công ty	Hoạt động chính	Vốn điều lệ VND	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn (i)	Sản xuất, thương mại	80.000.000.000	51%	51%	51%	51%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh thương mại Vinaconex (ii)	Kinh doanh siêu thị	60.000.000.000	75,79%	0%	75,79%	0%

(i) Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2011, số vốn đầu tư của Công ty tại Công ty con sau khi đánh giá lại tài sản là 40,8 tỷ VND (vốn gốc là 19.890.000.000 VND, đánh giá tăng: 20.910.000.000 VND), chiếm 51% Vốn điều lệ của Công ty con.

(ii) Trong năm Công ty đầu tư mua cổ phần phổ thông tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Vinaconex theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 0148/2011/HĐ-PC ngày 24 tháng 5 năm 2011, giữa Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (bên chuyển nhượng) và Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà (bên nhận chuyển nhượng). Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2011, Công ty nắm giữ 4.547.647 cổ phiếu, tương đương 75,79% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Vinaconex.

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
Báo cáo kiểm toán
Báo cáo cân đối kế toán hợp nhất
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

15. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty	Hoạt động chính	Tỷ lệ phần sở hữu	Số cuối năm		Số đầu năm
			Giá trị	Tỷ lệ phần sở hữu	Giá trị
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Kiến Hưng (i)	Kinh doanh bất động sản	30%	15.000.000.000	30%	15.000.000.000
Công ty Cổ phần Năng Lượng Sơn Hà (ii)	Sản xuất, thương mại	48,41%	10.003.758.722		
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên Năng lượng Thăng Long (iii)	Kinh doanh bất động sản	45%	12.878.804.873		
Cộng			37.882.563.595		15.000.000.000

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0103003387 ngày 12 tháng 4 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Kiến Hưng 15.000.000.000 VND, tương đương 30% vốn điều lệ. Tại thời điểm ngày 31/12/2011 Công ty đã góp đủ: 15.000.000.000 VND. Trong đó, vốn đầu tư của Sơn Hà là 50% và vốn nhận ủy thác đầu tư là 50%

(ii) Trong năm Công ty đã mua thêm 737.200 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 968.200 cổ phiếu, tương đương 48,41% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Năng lượng Sơn Hà.

(iii) Ngày 04 tháng 01 năm 2011, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Sơn Hà đã thông qua phương án ủy thác đầu tư mua vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Tài Nguyên và Năng lượng Thăng Long như sau: Ủy thác cho ông Lê Vĩnh Sơn 25%, ủy thác cho ông Lê Hoàng Hà 20%. Tổng số cổ phần được ủy thác mua là 9.000.000 cổ phần tương ứng 45% vốn điều lệ. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2011, Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Tài Nguyên và Năng lượng Thăng Long thông qua ủy thác đầu tư số tiền 13.770.000.000 VND và sở hữu 245.700 cổ phần tương đương với 45% số vốn đã góp thực tế của các cổ đồng (xem thêm thuyết minh số V.15).

Khoản đầu tư vào Công ty liên kết đã được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ như sau:

	Giá gốc của khoản đầu tư	Tăng, giảm giá trị khoản đầu tư do hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá trị khoản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Kiến Hưng	15.000.000.000	-	15.000.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà	9.682.000.000	321.758.722	10.003.758.722
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên Năng lượng Thăng Long	13.770.000.000	(891.195.127)	12.878.804.873
Cộng	38.452.000.000	(569.436.405)	37.882.563.595

(*) Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ trên cơ sở các Báo cáo tài chính chưa được kiểm toán của các Công ty trên. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng phần lãi, lỗ trong công ty liên kết mà Công ty phải gánh chịu nếu Báo cáo tài chính được kiểm toán có thay đổi so với Báo cáo tài chính chưa được kiểm toán của các Công ty trên là không ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
Báo cáo kiểm toán
Báo cáo cân đối kế toán hợp nhất
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

16. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư vào đơn vị khác		38.410.000.000		16.020.000.000
Đầu tư dự án Paradise Garden (i)		12.500.000.000		5.000.000.000
Công ty Bất động sản Havico		2.710.000.000		2.710.000.000
Công ty Cổ phần Năng lượng Sơn Hà (ii)			231.000	2.310.000.000
Ủy thác đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Thăng Long (iii)				6.000.000.000
Đầu tư dự án "Tổ hợp công trình đa chức năng Sông Hồng(iv)		23.200.000.000		
Cho vay dài hạn		15.000.000.000		
Công ty Cổ phần Đầu tư Đô thị Kiến Hưng(v)		15.000.000.000		
Cộng		53.410.000.000		16.020.000.000

- (i) Hợp đồng hợp tác đầu tư xây dựng và kinh doanh số 01/HĐHTĐTXD&KD về việc Hợp tác đầu tư xây dựng và kinh doanh Hạ tầng kỹ thuật dự án Khu nhà ở cao cấp và dịch vụ du lịch Đà Lạt Paradise Garden giữa Tổng công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hợp Phú và Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà, vốn góp dự kiến của dự án là 50 tỷ VND trong đó Sơn Hà góp 25%, tương đương 12,5 tỷ VND. Đến 31 ngày 12 năm 2011, Sơn Hà đã góp đủ 12,5 tỷ VND.
- (ii) Trong năm Công ty đã mua thêm 737.200 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 968.200 cổ phiếu, tương đương 48,41% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Năng lượng Sơn Hà và chuyển sang đầu tư vào công ty liên kết.
- (iii) Trong năm công ty đã ủy thác đầu tư thêm vào Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Thăng Long số tiền 7.500.000.000 VND. Theo đó Công ty đã nắm giữ 45% vốn điều lệ và Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Thăng Long trở thành công ty liên kết.
- (iv) Hợp đồng hợp tác đầu tư xây dựng và kinh doanh số 11/2011/HĐHTĐT ngày 24/01/2011 về việc hợp tác đầu tư vào dự án "Tổ hợp công trình đa chức năng Sông Hồng Tower" giữa Tổng công ty Cổ phần Sông Hồng, Công ty Cổ phần Đầu tư Reenco Sông Hồng, Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà và Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Ngọc, vốn góp dự kiến của dự án là 240 tỷ VND, trong đó Công ty góp 35%, tương đương 84 tỷ VND. Đến 31/12/2011, Công ty đã góp 1,75 tỷ theo tiến độ hợp đồng và ủy thác cho Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Ngọc mua 19% quyền góp vốn vào dự án theo Hợp đồng ủy quyền đầu tư vốn số 02/2011/HDUT/MINHNGOC - SONHA ngày 05 tháng 01 năm 2011. Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2011, giá trị khoản đầu tư cho Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Ngọc là 21,45 tỷ đồng bao gồm: Tiền mua 19% quyền góp vốn vào dự án với giá 20,5 tỷ đồng và tiền góp vốn đợt 1 tương ứng với 19% là 0,95 tỷ đồng.
- (v) Hợp đồng vay vốn số 21/2011/HĐVV ngày 06/11/2011 về việc cho vay bổ sung vốn lưu động giữa Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà và Công ty Cổ phần Đầu tư Đô thị Kiến Hưng, lãi suất cho vay được xác định theo lãi suất cho vay trung và dài hạn của Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân. Lãi suất tại thời điểm vay là 19%.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
 Báo cáo kiểm toán
 Báo cáo cân đối kế toán hợp nhất
 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

17. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Tăng do hợp nhất kinh doanh	Phân bổ vào chi phí trong năm	Số cuối năm
Chi phí sử dụng cơ sở hạ tầng	785.490.065	643.184.735		704.539.958	724.134.842
Công cụ dụng cụ	2.179.771.172	4.355.360.723		2.349.872.590	4.185.259.305
Chi phí marketing và nghiên cứu thị trường	50.049.123			50.049.123	
Phí bảo hiểm tài sản	167.447.869	108.277.756		272.475.669	3.249.956
Chi phí xây dựng các showroom	59.980.470			59.980.470	
Chi phí sửa chữa tài sản	929.729.491	444.830.820		647.951.235	726.609.076
Bảo lãnh phát hành trái phiếu	2.129.480.276			858.333.360	1.271.146.916
Các chi phí khác	32.535.660	61.310.000	105.050.000	38.205.090	160.690.570
Cộng	6.334.484.126	5.612.964.034	105.050.000	4.981.407.495	7.071.090.665

18. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	309.036.775	97.565.975
Hợp nhất kinh doanh	234.609.091	309.036.775
Số hoàn nhập	(90.328.502)	(97.565.975)
Số cuối năm	453.317.364	309.036.775

19. Lợi thế thương mại

Là khoản lợi thế thương mại phát sinh khi mua lại Công ty con. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

Số đầu năm	
Số phát sinh trong năm	76.492.322.185
Số phân bổ vào kết quả kinh doanh trong năm	(1.912.308.055)
Số cuối năm	74.580.014.130

20. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	701.074.600.741	347.843.526.803
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	114.280.631.574	88.195.321.954
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	34.605.783.657	37.361.196.372
Ngân hàng TMCP Hàng hải	174.086.253.785	130.326.339.430
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam		
- Chi nhánh Thanh Xuân	56.677.416.568	39.612.350.385
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam		
- Chi nhánh Chương Dương	148.564.953.348	42.832.529.880
Ngân hàng TMCP Đại Dương		9.515.788.782

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
Báo cáo kiểm toán
Báo cáo cân đối kế toán hợp nhất
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Mỹ Đình	47.604.874.792	
Ngân hàng TMCP Nam Việt - Chi nhánh Hà Nội	107.317.992.574	
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam		
- Chi nhánh Sài Gòn	17.936.694.443	
Vay dài hạn đến hạn trả	28.567.750.207	40.359.944.794
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương		6.982.287.672
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch	2.399.999.999	2.400.000.001
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	3.657.704.000	2.989.074.000
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	10.581.681.180	12.181.672.000
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	2.957.784.000	7.073.437.186
Ngân hàng TMCP Phát Triển Nhà TPHCM	1.508.259.620	5.076.577.936
Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn	5.859.241.408	2.815.696.000
Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	166.680.000	-
Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Nam Á - Chi nhánh Chợ Lớn	1.436.400.000	841.200.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	1.698.000.000	1.224.000.000
Trái phiếu phát hành đến hạn trả	40.400.000.000	
Cộng	771.740.350.948	389.427.471.597

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	Vay ngắn hạn	Vay dài hạn đến hạn trả	Nợ thuê tài chính đến hạn trả	Trái phiếu phát hành đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	347.843.526.803	40.359.944.794	1.224.000.000		389.427.471.597
Tiền vay phát sinh trong năm	1.490.215.386.906				1.490.215.386.906
Số kết chuyển		30.551.530.874	1.698.000.000	40.400.000.000	72.649.530.874
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá đầu năm	5.733.877.192				5.733.877.192
Tiền vay đã trả trong năm	(1.141.585.200.946)	(42.343.725.461)	(1.224.000.000)		(1.185.152.926.407)
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm	(1.132.989.214)				(1.132.989.214)
Số cuối năm	701.074.600.741	28.567.750.207	1.698.000.000	40.400.000.000	771.740.350.948

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
Báo cáo kiểm toán
Báo cáo cân đối kế toán hợp nhất
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

21. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	38.571.608	6.036.630.348	605.125.732	5.470.076.224
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	2.646.694.468	91.267.771.522	91.215.239.119	2.699.226.871
Thuế xuất, nhập khẩu	21.526.629	836.438.533	823.175.570	34.789.592
Thuế thu nhập doanh nghiệp	16.368.443.610	8.075.557.638	22.059.973.026	2.384.028.222
Thuế thu nhập cá nhân	25.183.644	320.370.953	310.451.004	35.103.593
Tiền thuê đất	129.807.642	586.819.509	716.627.151	0
Các loại thuế khác	404.868.200	12.254.020	416.868.200	254.020
Cộng	19.635.095.801	107.135.842.523	116.147.459.802	10.623.478.522

Trong đó:

	Số đầu năm	Số cuối năm
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19.758.241.943	11.589.590.236
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	(123.146.142)	(966.111.714)
Cộng	19.635.095.801	10.623.478.522

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất như sau:

Hàng hóa xuất khẩu	0%
Hàng hóa trong nước	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	26.731.034.443	121.758.445.136
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	5.571.196.106	4.249.690.341
- Các khoản điều chỉnh tăng	7.081.814.308	4.776.615.657
Chi phí không hợp lý, hợp lệ	1.677.255.619	3.524.810.180
Lỗi của các Chi nhánh	897.553.023	15.658.379
Lỗi trong Công ty liên kết	569.436.405	
Lãi CLTG do đánh giá lại số dư cuối kỳ các khoản nợ phải trả	1.086.824.841	
Lợi thế thương mại	1.912.308.055	
Lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ	938.436.365	1.236.147.098
- Các khoản điều chỉnh giảm	(1.510.618.202)	(526.925.316)
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(562.799.000)	
Thuế bị phạt, truy thu được giảm trừ	(306.173.359)	

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
Báo cáo kiểm toán
Báo cáo cân đối kế toán hợp nhất
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

	Năm nay	Năm trước
Lỗ chưa thực hiện của CLTG năm trước		(136.661.416)
Lãi đã thực hiện của năm trước		(390.263.900)
Trích lập dự phòng đầu tư vào Công ty liên kết	(280.331.835)	
Lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ năm trước đã thực hiện trong năm nay	(361.314.008)	
Thu nhập tính thuế	32.302.230.549	126.008.135.477
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	8.075.557.638	31.502.033.870
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 30%		
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước		229.507.949
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	8.075.557.638	31.731.541.819

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất theo 2 hợp đồng: Hợp đồng thuê đất số 98-2005/TNMTNĐ-HĐTĐTN ngày 07 tháng 7 năm 2005 diện tích 8.793 m2 đất tại lô CN1 cụm công nghiệp tập trung vừa và nhỏ xã Minh Khai, huyện Từ Liêm, Hà Nội với mức 16.100 VND/m2. Và hợp đồng thuê đất số 06 HD/ĐĐ ngày 14 tháng 1 năm 2008 diện tích 44.800 m2 tại cụm công nghiệp thị trấn Phùng - huyện Đan Phượng - tỉnh Hà Tây với mức 2.635 VND/m2.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được kê khai và nộp theo qui định.

22. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	11.046.882.203	9.020.304.840
Chi phí sản xuất kinh doanh	472.221.222	127.741.024
Cộng	11.519.103.425	9.148.045.864

23. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	566.581.746	761.875.063
Bảo hiểm xã hội	15.057.208	38.783.134
Nhận ký cược, ký quỹ ngắn hạn	979.827.000	
Nhận ủy thác đầu tư vào Công ty Kiến Hưng		8.250.000.000
Nhận ủy thác đầu tư vào Dự án Paradise Đà Lạt		800.000.000
Tiền phạt vi phạm pháp luật thuế		1.741.503.573
Phải trả khác	161.830.825	479.087.033
Cộng	1.723.296.779	12.071.248.803

24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	388.508.927	29.260.240
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	4.259.507.447	293.572.311
Tăng khác	50.685.000	68.262.376
Chi quỹ		(2.586.000)
Số cuối năm	4.698.701.374	388.508.927

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
Báo cáo kiểm toán
Báo cáo cân đối kế toán hợp nhất
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

25. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhận ký cược, ký quỹ ngắn hạn	1.206.625.000	1.163.825.000
Nhận ủy thác đầu tư vào Công ty Kiến Hưng	10.700.000.000	
Nhận ủy thác đầu tư vào Dự án Paradise Đà Lạt	2.500.000.000	
Cộng	14.406.625.000	1.163.825.000

26. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	35.043.114.765	48.650.503.044
Ngân hàng Công thương Chương Dương (a)		7.379.043.648
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch 1 (b)	1.081.918.712	3.481.918.712
Ngân hàng TMCP Hàng Hải (c)		10.581.681.180
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (d)	3.181.411.302	6.139.195.302
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam		
- Sở Giao dịch (e)	12.142.208.603	7.481.890.604
Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà TP.Hồ Chí Minh (f)		1.709.843.580
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam		
- Chi nhánh Sài Gòn(g)	15.203.493.507	8.888.630.018
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á		
- Chi nhánh Chợ Lớn(h)	3.197.992.641	2.988.300.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín		
- Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh(i)	236.090.000	
Nợ dài hạn (Công ty cho thuê tài chính - Ngân hàng Công thương Việt Nam)	1.786.651.814	1.876.224.814
Trái phiếu công ty	50.000.000.000	100.000.000.000
Trái phiếu Công ty thời hạn 2 năm – Lãi suất 16%/năm (k)	50.000.000.000	50.000.000.000
Trái phiếu Công ty thời hạn 3 năm – Lãi suất 16,25%/năm (l)		50.000.000.000
Cộng	86.829.766.579	150.526.727.858

- (a) Khoản vay Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ngân hàng Công thương Chương Dương để thanh toán tiền chuyển nhượng hạ tầng, thanh toán chi phí đầu tư xây dựng nhà xưởng và vật kiến trúc gắn liền với đất theo dự án "Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất inox" của Công ty tại cụm công nghiệp Phùng theo hợp đồng tín dụng số 01/HĐT/NHCTKVCD_SONHA ngày 25/08/2006 trong thời hạn 65 tháng với lãi suất 1,05%/tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay.
- (b) Vay ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch 1 theo hợp đồng số 147831/HĐTĐTH ngày 20 tháng 5 năm 2009, tổng số tiền vay là 9,6 tỷ, thời hạn vay 56 tháng với lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của BIDV + 3,5%/năm, mục đích để thanh toán tiền mua MMTB thuộc dự án nâng cao năng lực sản xuất và tối ưu hóa công suất dây chuyền sản xuất tại Khu công nghiệp Phùng. Khoản vay được đảm bảo bằng máy móc thiết bị nhập khẩu và mua trong nước trị giá 12,93 tỷ VND.
- (c) Vay ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam theo 2 hợp đồng vay số 75/09/LB ngày 19/11/2009 và hợp đồng vay số 75/09/LB ngày 19/11/2009, tổng giá trị vay là 42,2 tỷ để hoàn vốn đầu tư xây dựng tòa nhà văn phòng Công ty với lãi suất 12% năm. Khoản vay sẽ đáo hạn trong năm 2012 và được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay, nhà xưởng sản xuất tại Diễn, máy móc thiết bị, ô tô phục vụ sản xuất tại khu công nghiệp Phùng và cụm công nghiệp Từ Liêm giá trị 15,5 tỷ.
- (d) Vay ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam theo 3 hợp đồng tín dụng Hợp đồng 5897/HĐTĐ/TH-PN/TCB-HKM ngày 17/09/2009, Hợp đồng 6028/HĐTĐ/TH-PN/TCB-HKM ngày 16/10/2009 và Hợp đồng tín dụng số 7065/HĐTĐ/SME-DN/TCB-HKM ngày 14/12/2010 để mua máy móc thiết bị và phương tiện vận chuyển. Khoản vay này được thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- (e) Vay ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam theo 2 hợp đồng tín dụng 01/HĐTĐ-2010/SONHA-VCB để đầu tư máy móc thiết bị phục vụ sản xuất. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay là toàn bộ máy móc thiết bị đầu tư.

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
Báo cáo kiểm toán
Báo cáo cân đối kế toán hợp nhất
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

- (f) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Nhà thành phố Hồ Chí Minh để thanh toán LC nhập máy móc thiết bị theo hợp đồng tín dụng số 042/07 ngày 28/9/2007 trong thời gian 54 tháng với lãi suất 1,05%/tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay là toàn bộ máy móc thiết bị mua về.
- (g) Vay ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải chi nhánh Sài Gòn theo 2 hợp đồng tín dụng số 0121/09/SG ngày 19 tháng 9 năm 2009 và số 0025/10/SG.DN ngày 19 tháng 7 năm 2010 để trả tiền mua đất tại xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, Tp. Hồ Chí Minh và xây dựng nhà văn phòng, nhà xưởng trên đất. Khoản vay được thế chấp bằng giá trị tài sản hình thành từ vốn vay ước tính 38,421 tỷ VND và hàng tồn kho luân chuyển trị giá 25 tỷ đồng;
- (h) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Nam Á - Chi nhánh Chợ Lớn để thanh toán tiền mua xe với lãi suất được quy định trong từng kế ước cụ thể. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định hình thành từ vốn vay.
- (i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để thanh toán tiền mua xe với lãi suất được quy định trong từng kế ước cụ thể. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.
- (k) Trái phiếu công ty phát hành cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam chi nhánh Thanh Xuân với tư cách là đại lý quản lý các tài khoản để Đầu tư sản xuất thép không gỉ cán nguội và ống thép Inox công nghiệp tại Cụm công nghiệp Phùng, thời hạn 02 năm đáo hạn ngày 09 tháng 08 năm 2012. Lãi suất huy động năm đầu tiên là 16% và năm tiếp theo bằng lãi suất huy động VND kỳ hạn 12 tháng trả sau của Vietinbank cộng biên độ 5%. Lãi trả 6 tháng một lần, gốc trả 1 lần vào ngày đáo hạn. Trái phiếu này được đảm bảo bằng quyền sở hữu 3.600.000 cổ phần Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà thuộc sở hữu của các cổ đông.
- (k) Trái phiếu công ty không có bảo đảm phát hành cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình với tư cách là đại lý Đăng ký lưu ký, thời hạn 03 năm đáo hạn ngày 27 tháng 5 năm 2013. Lãi suất huy động năm đầu tiên là 16,25% và 02 năm tiếp theo bằng lãi suất huy động VND kỳ hạn 12 tháng trả sau của BIDV, Vietcombank, Vietinbank và Argibank cộng biên độ 4,5%. Lãi trả hàng năm, gốc trả 1 lần vào ngày đáo hạn.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm
Vay dài hạn ngân hàng	63.610.864.972	28.567.750.207	35.043.114.765	
Thuê tài chính	3.484.651.814	1.698.000.000	1.786.651.814	
Trái phiếu không có bảo đảm	90.400.000.000	40.400.000.000	50.000.000.000	
Cộng	157.495.516.786	70.665.750.207	86.829.766.579	-

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn

	Vay dài hạn ngân hàng	Thuê tài chính	Trái phiếu không có bảo đảm	Cộng
Số đầu năm	48.650.503.044	1.876.224.814	100.000.000.000	150.526.727.858
Số tiền vay phát sinh	23.897.050.955	2.237.427.000		26.134.477.955
Tăng do đánh giá chênh lệch tỷ giá	765.018.087			765.018.087
Số tiền vay đã trả	7.717.926.448	(629.000.000)		(8.346.926.448)
Số kết chuyển	(30.551.530.873)	(1.698.000.000)	(40.400.000.000)	(72.649.530.873)
Giảm do mua lại trái phiếu			(9.600.000.000)	(9.600.000.000)
Số cuối năm	35.043.114.765	1.786.651.814	50.000.000.000	86.829.766.579

27. Doanh thu chưa thực hiện

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Nhân lực và Thương mại Vinaconex trả trước tiền thuê tầng 6 tòa nhà số 8 Quang Trung (từ 01/01/2012 đến 31/12/2054)	26.455.770.209	
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây trả trước tiền thuê 120 m ² tại tầng 1 tòa nhà số 8 Quang Trung (từ 01/01/2012 đến 31/12/2054)	7.143.006.508	
Cộng	33.598.776.717	

28. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	150.000.000.000	6.338.500.000			1.425.236.659	712.618.330	47.431.427.303	203.769.927.303
Cổ đông góp vốn bằng tiền	100.000.000.000	63.439.272.500						163.439.272.500
Mua cổ phiếu quỹ			(2.446.724.000)					(2.446.724.000)
Lợi nhuận trong năm nay							69.146.960.956	69.146.960.956
Trích lập các quỹ					1.425.236.659	712.618.330	(2.431.427.300)	(293.572.311)
Chia cổ tức trong năm nay							(45.000.000.000)	(45.000.000.000)
Tăng do đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối năm				4.811.480.609				4.811.480.609
Thanh lý công ty liên kết							(3.165.323)	(3.165.323)
Chi phí phát hành cổ phiếu tăng vốn		(729.783.848)						(729.783.848)
Số dư cuối năm nay	250.000.000.000	69.047.988.652	(2.446.724.000)	4.811.480.609	1.425.236.659	712.618.330	69.143.795.636	392.694.395.886
Số dư đầu năm nay	250.000.000.000	69.047.988.652	(2.446.724.000)	4.811.480.609	1.425.236.659	712.618.330	69.143.795.636	392.694.395.886
Mua cổ phiếu quỹ			(7.530.045.000)					(7.530.045.000)
Lợi nhuận trong năm							14.491.129.396	14.491.129.396
Trích lập các quỹ trong năm					2.765.878.438	1.382.939.219	(8.408.325.104)	(4.259.507.447)
Chia cổ tức trong năm							(36.661.155.000)	(36.661.155.000)
Thù lao Ban kiểm soát							(492.000.000)	(492.000.000)
Hoàn nhập CLTG do đánh giá lại số dư cuối kỳ				(4.811.480.609)				(4.811.480.609)
Đánh giá lại số dư cuối kỳ				1.062.518.382			-	1.062.518.382
Số dư cuối năm nay	267.107.230.000	69.047.988.652	(9.976.769.000)	1.062.518.382	4.191.115.097	2.095.557.549	38.073.444.928	371.601.085.608

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
Báo cáo kiểm toán
Báo cáo cân đối kế toán hợp nhất
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Tình hình góp vốn điều lệ tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

	Vốn điều lệ theo Giấy đăng ký kinh doanh	Vốn đã góp của chủ đầu tư
Ông Lê Vinh Sơn	53.360.000.000	61.267.020.000
Ông Lê Hoàng Hà	45.000.000.000	48.150.000.000
Ông Lê Văn Ngà	24.000.000.000	25.680.000.000
Cổ đông khác	127.640.000.000	132.010.210.000
Cộng	250.000.000.000	267.107.230.000

(*) Trong năm Công ty trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 7%, số cổ phiếu phát hành bổ sung là 1.710.723 cổ phiếu, tương ứng với 17.107.230.000 VND, tuy nhiên Công ty đang làm thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh về việc thay đổi vốn điều lệ.

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:	Năm nay	Năm trước
Trả cổ tức năm trước bằng cổ phiếu	17.107.230.000	22.500.000.000
Tạm ứng cổ tức năm trước bằng tiền		22.500.000.000
Tạm ứng cổ tức năm nay bằng tiền	19.553.925.000	
Cộng	36.661.155.000	45.000.000.000

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	26.710.723	25.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	26.710.723	25.000.000
• <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	26.710.723	25.000.000
• <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	559.230	126.710
• <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	559.230	126.710
• <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	26.151.493	24.873.290
• <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	26.151.493	24.873.290
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		

29. Lợi ích của cổ đông thiểu số

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông thiểu số trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông thiểu số như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	40.201.413.161	
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	4.308.627.998	21.091.413.161
Tăng do hợp nhất kinh doanh	11.153.027.573	39.200.000.000
Giảm do chia cổ tức, lợi nhuận	(3.763.200.000)	(20.090.000.000)
Số cuối năm	51.899.868.732	40.201.413.161

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
Báo cáo kiểm toán
Báo cáo cân đối kế toán hợp nhất
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
1. Doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	1.958.865.149.087	1.452.135.895.606
- Doanh thu bán hàng hóa	331.587.139.152	303.752.589.357
- Doanh thu bán thành phẩm	1.620.881.149.292	1.144.515.122.713
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.396.860.643	3.868.183.536
Các khoản giảm trừ doanh thu	2.537.907.290	346.478.317
Doanh thu thuần	1.956.327.241.797	1.451.789.417.289
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	331.587.139.152	303.752.589.357
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	1.618.343.242.002	1.144.515.122.713
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	6.396.860.643	3.868.183.536

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	273.195.161.860	243.640.302.369
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	1.416.910.930.858	952.899.355.141
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.478.644.884	1.344.591.331
Cộng	1.692.584.737.602	1.197.884.248.841

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.187.789.382	4.736.404.972
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu		100.913.889
Cổ tức, lợi nhuận được chia	562.799.000	
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	11.238.846.768	7.515.608.497
Lãi chuyển nhượng công ty con		5.733.000.000
Lãi chuyển nhượng công ty liên kết		11.250.000.000
Lãi hoạt động chứng khoán	169.290.000	
Cộng	18.158.725.150	29.335.927.358

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	113.085.119.060	65.698.487.777
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	763.443.214	
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	24.925.296.483	26.291.267.219
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	765.018.088	472.405.307
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn	15.663.229.786	334.480.000
Chi phí tài chính khác	898.119.427	2.549.272.830
Cộng	156.100.226.058	95.345.913.133

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
 Báo cáo kiểm toán
 Báo cáo cân đối kế toán hợp nhất
 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	15.827.865.669	12.546.625.403
Chi phí vật liệu, bao bì	2.866.200.147	7.664.693.881
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	630.177.339	1.512.351.357
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.697.700.975	15.278.223.082
Chi phí bảo hành		628.014.945
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.666.439.671	21.486.359.595
Chi phí bằng tiền khác	10.468.460.277	10.448.821.714
Cộng	59.156.844.078	69.565.089.977

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	11.683.440.940	6.712.526.104
Chi phí vật liệu quản lý	635.093.258	1.147.845.296
Chi phí đồ dùng văn phòng	744.345.403	143.315.738
Chi phí khấu hao TSCĐ	4.656.906.473	4.069.440.437
Thuế, phí và lệ phí	144.474.387	67.261.075
Chi phí dự phòng	1.296.161.300	30.532.700
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.373.798.262	11.546.493.023
Chi phí bằng tiền khác	5.931.605.800	3.063.401.703
Cộng	40.465.825.823	26.780.816.076

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	10.714.249.576	3.467.346.303
Thu nhập từ chênh lệch đánh giá lại tài sản		29.036.617.508
Thanh lý công cụ dụng cụ		131.967.918
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	194.847.610	
Bồi thường do hàng kém phẩm chất	199.759.077	2.469.894.239
Công ty bảo hiểm bồi thường vật chất	9.327.272	
Phạt chậm thuế năm trước được giảm trừ	306.173.359	
Thu nhập khác	162.481.222	193.200.963
Cộng	11.587.407.353	35.299.026.931

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại tài sản cố định nhượng bán, thanh lý	9.493.363.672	2.417.698.835
Chi phí thanh lý công cụ, dụng cụ		43.384.000
Phạt do vi phạm hợp đồng	652.647.000	
Thuế bị phạt, bị truy thu	57.257.683	2.347.408.193
Xử lý hàng hóa bị thiếu hụt	112.901.516	

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
Báo cáo kiểm toán
Báo cáo cân đối kế toán hợp nhất
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Tạm ứng của CNV đã nghỉ việc không thu hồi được	31.458.000	
Chi phí khác	117.642.020	281.367.387
Cộng	10.465.269.891	5.089.858.415

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	14.491.129.396	69.146.960.956
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	14.491.129.396	69.146.960.956
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	24.743.849	19.656.108
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	586	3.518

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	24.873.290	15.000.000
Ảnh hưởng của 126.710 cổ phiếu phổ thông mua lại tháng 12 năm 2010		(10.559)
Ảnh hưởng của 217.020 cổ phiếu phổ thông mua lại tháng 1 năm 2011	(217.020)	
Ảnh hưởng của 215.500 cổ phiếu phổ thông mua lại tháng 2 năm 2011	(197.542)	
Ảnh hưởng của 1.710.723 cổ phiếu phổ thông phát hành tháng 10 năm 2009	285.121	
Ảnh hưởng của 3.000.000 cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 02 tháng 06 năm 2010		1.750.000
Ảnh hưởng của 7.000.000 cổ phiếu phổ thông phát hành tháng 8 năm 2010		2.916.667
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	24.743.849	19.656.108

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Áp dụng qui định kế toán mới

Ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính và được áp dụng để trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính trên Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

Theo yêu cầu của Thông tư này Công ty cũng đã bổ sung thêm các thuyết minh từ VII.4 đến VII.8 dưới đây.

Ngoài ra, Thông tư này cũng yêu cầu Công ty phải xem xét các điều khoản trong công cụ tài chính phức hợp để xác định liệu công cụ đó có bao gồm các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu hay không. Phần được phân loại là nợ phải trả được trình bày riêng biệt với phần được phân loại là tài sản tài chính hoặc vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán. Yêu cầu của Thông tư này không ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty do Công ty chưa phát hành các công cụ tài chính phức hợp.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
Báo cáo kiểm toán
Báo cáo cân đối kế toán hợp nhất
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
Hội đồng quản trị		
Tạm ứng	189.400.000.000	116.756.216.529
Thanh toán tạm ứng	163.862.800.000	116.608.343.000
Ủy thác đầu tư cho ông Lê Vĩnh Sơn		6.000.000.000
Ủy thác đầu tư cho ông Lê Hoàng Hà	6.120.000.000	
Ban điều hành		
Tạm ứng	14.152.800.000	46.479.400.000
Bán khoản đầu tư cho ông Lê Hoàng Hà		
Giá trị khoản vốn góp		1.950.000.000
Lãi bán vốn		585.000.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hội đồng quản trị	25.697.662.629	160.462.629
Ban điều hành	60.992.200.000	46.552.360.000
Cộng nợ phải thu	86.689.862.629	46.712.822.629

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương và phụ cấp	1.330.116.000	664.007.000

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Kiến Hưng	Công ty liên kết
Công ty Đầu tư Tài nguyên Năng lượng Thăng Long	Công ty liên kết

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà		
Cho vay	4.000.000.000	3.000.000.000
Thu tiền cho vay	7.000.000.000	13.700.000.000
Lãi cho vay	455.000.000	1.294.513.768
Bán hàng hóa	53.780.557.983	65.737.093.409
Mua nguyên vật liệu, hàng hóa	83.153.463.050	69.034.415.361
Cho thuê tài sản	450.469.537	36.093.532
Tiền điện văn phòng	50.738.500	
Chuyển tiền góp vốn	7.372.000.000	290.800.000

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
Báo cáo kiểm toán
Báo cáo cân đối kế toán hợp nhất
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Kiến Hưng	
Góp vốn cổ phần	13.500.000.000
Trả trước tiền mua đất	4.500.000.000
Cho vay	15.000.000.000
Lãi cho vay	2.384.388.887
Công ty Đầu tư Tài nguyên Năng lượng Thăng Long	
Góp vốn đầu tư	13.770.000.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà		
Phải thu tiền bán hàng hóa, thành phẩm	10.724.588.113	25.283.114.913
Cho vay ngắn hạn		3.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị Kiến Hưng		
Cho vay	15.000.000.000	
Trả trước tiền đất		4.500.000.000
Phải thu lãi vay	2.384.388.887	
Cộng nợ phải thu	131.141.023.624	32.783.114.913

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau.

Lĩnh vực kinh doanh

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Hàng công nghiệp	Hàng gia dụng	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm nay					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.449.145.837.017	702.682.751.938	22.068.699.450	-	2.173.897.288.405
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				(217.570.046.608)	(217.570.046.608)
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.449.145.837.017	702.682.751.938	22.068.699.450	(217.570.046.608)	1.956.327.241.797
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	60.553.280.436	140.115.286.190	3.917.093.491		204.585.660.117
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(40.465.825.823)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					164.119.834.294
Doanh thu hoạt động tài chính					18.178.725.150

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
Báo cáo kiểm toán
Báo cáo cân đối kế toán hợp nhất
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

	Hàng công nghiệp	Hàng gia dụng	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Chi phí tài chính					(156.120.226.058)
Thu nhập khác					11.587.407.353
Chi phí khác					(10.465.269.891)
Lãi, lỗ trong công ty liên kết					(569.436.405)
Chi phí thuế TNDN hiện hành					(8.075.557.638)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					144.280.589
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					18.799.757.394
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	96.621.358.826	31.625.937.334	1.203.931.458	(14.692.554.813)	114.758.672.804
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	19.853.736.713	8.500.950.535	270.288.661		28.624.975.909
Năm trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.098.390.258.924	565.861.891.026	6.293.018.425		1.670.545.168.375
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	(218.755.751.086)	(218.755.751.086)
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.098.390.258.924	565.861.891.026	6.293.018.425	(218.755.751.086)	1.451.789.417.289
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	58.165.504.984	121.226.146.393	4.948.427.094	-	184.340.078.471
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(26.780.816.076)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					157.559.262.395
Doanh thu hoạt động tài chính					29.335.927.358
Chi phí tài chính					(95.345.913.133)
Thu nhập khác					35.299.026.931
Chi phí khác					(5.089.858.415)
Chi phí thuế TNDN hiện hành					(31.731.541.819)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					211.470.800
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					90.238.374.117
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	41.492.267.348	16.135.881.746	-	(2.890.258.286)	54.737.890.808

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
Báo cáo kiểm toán
Báo cáo cân đối kế toán hợp nhất
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	21.238.277.291	8.259.330.058	-	-	29.497.607.349
---	-----------------------	----------------------	---	---	-----------------------

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Hàng công nghiệp	Hàng gia dụng	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	182.527.321.220	335.044.375.212	114.117.928.623	631.689.625.055
Tài sản phân bổ cho bộ phận	137.029.426.425	522.191.814.989	-	659.221.241.414
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				176.260.457.725
Tổng tài sản				1.467.171.324.194
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	-	38.778.100.607	38.778.100.607
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	235.957.634.916	674.959.870.584	7.144.997.168	918.062.502.668
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	86.829.766.579
Tổng nợ phải trả				1.043.670.369.854
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	90.792.936.293	288.355.572.219	-	379.148.508.512
Tài sản phân bổ cho bộ phận	161.240.315.109	414.617.953.136	-	575.858.268.245
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				156.187.117.324
Tổng tài sản				1.111.193.894.081
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	38.736.287.962	99.607.597.617	-	138.343.885.579
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				539.954.199.455
Tổng nợ phải trả				678.298.085.034

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	59.926.054.161	85.311.739.324	59.926.054.161	85.311.739.324
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	48.797.880.000	46.175.378.000	48.797.880.000	46.175.378.000
Phải thu khách hàng	337.134.486.605	279.709.630.435	337.134.486.605	279.709.630.435
Các khoản cho vay	15.000.000.000	9.700.000.000	15.000.000.000	9.700.000.000
Các khoản phải thu khác	101.984.138.483	64.429.465.712	101.984.138.483	64.429.465.712
Cộng	562.842.559.249	485.326.213.471	562.842.559.249	485.326.213.471
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	100.814.915.516	90.465.271.493	100.814.915.516	90.465.271.493
Vay và nợ	856.783.465.713	538.077.974.641	856.783.465.713	538.077.974.641
Các khoản phải trả khác	33.364.038.793	27.555.814.106	33.364.038.793	27.555.814.106
Cộng	990.962.420.022	656.099.060.240	990.962.420.022	656.099.060.240

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
Báo cáo kiểm toán
Báo cáo cân đối kế toán hợp nhất
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

5. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.6). Thông tin về việc thế chấp tài sản cho đơn vị khác như sau:

Tài sản thế chấp	Giá trị sổ sách
Số cuối năm	
Hàng tồn kho	43.776.695.546
Nhà xưởng	24.405.851.736
Quyền sử dụng đất	35.957.543.911
Máy móc thiết bị	27.929.592.468
Phương tiện vận chuyển	20.238.108.269
Cộng	152.307.791.930

6. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

7. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả cho người bán	100.814.915.516			100.814.915.516
Vay và nợ	771.740.350.948	85.043.114.765		856.783.465.713
Các khoản phải trả khác	33.057.563.161	306.475.632		33.364.038.793
Cộng	905.612.829.625	85.349.590.397		990.962.420.022
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	90.465.271.493			90.465.271.493
Vay và nợ	389.427.471.597	148.650.503.044		538.077.974.641
Các khoản phải trả khác	27.293.410.394	262.403.712		27.555.814.106
Cộng	507.448.557.196	148.650.503.044		656.099.060.240

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
Báo cáo kiểm toán
Báo cáo cân đối kế toán hợp nhất
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

8. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Với giả định các biến số khác không thay đổi, độ nhạy của lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty đối với các thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý của tỷ giá USD biến động tăng hoặc giảm 2% là: 5.214.907.211 VND

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Với giả định các biến số khác không thay đổi, biến động của lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty đối với thay đổi của lãi suất đối với các khoản cho vay và các khoản vay có lãi suất thả nổi biến động tăng hoặc giảm 2% là: 11.876.751.985 VND

Mức thay đổi lãi suất sử dụng để phân tích được giả định trên điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu của Công ty là 10.387.880.000 VND. Nếu giá cả các cổ phiếu này tăng/giảm 10% thì lợi nhuận sau thuế của Công ty sẽ giảm hoặc tăng khoảng 779.091.000 VND.

Lập, ngày 30 tháng 3 năm 2012

Người lập biểu

Nguyễn Thị Quỳnh

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Như Dung

Tổng Giám đốc



Lê Hoàng Hà

 **SONHA**[®]

